

# Truyện cổ Phật giáo

## Nhiều tác giả

VUI TRONG ĐAU KHỔ

Tác giả: Hồng mai

Một hôm, Đức Phật cùng đệ tử vào thuyết pháp trong thành La Duyệt Kỳ, lúc ra về gặp chàng thanh niên đang lừa một bầy bò vừa ăn no, chúng nhảy vọt vào húc nhau. Thấy vậy, Đức Phật nói mấy bài tụng sau đây:

"Người đi chăn đưa roi chăn, lừa bầy bò; Cũng như thế già chết chăn nuôi và lừa kéo sinh mạng đi mà nào ai có biết!

Xưa nay, hàng trăm hàng ngàn người chứ không phải một, chứa chất của cải cho lắm, cung dưỡng thân thể cho nhiều, nhưng rồi không ai khỏi điều tàn chết chóc.

Sống nghĩa là ngày đêm sinh mạng bị công kích, bị tước dần, cho nên sự sống bị tiêu mòn đi in như bờ đất bị nước soi lở".

Lúc về Tịnh xá, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi trên đường về Đức Phật có nói ba bài tụng nhưng chúng con không hiểu hết ý nghĩa, xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo cho.

- A Nan! Trên đường về vừa rồi ông có thấy người lừa bầy bò không?

- Bạch có.

- Người ấy là người thợ thịt. Bò của anh ta có đến ba ngàn con, cứ ngày lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tốt cho ăn rồi lựa con nào to béo thì làm thịt để bán. Giết hơn một nửa rồi mà bầy bò ấy không con nào biết số phận của mình ra sao cả. Chúng vẫn thản nhiên vui vẻ, húc nhau, nhảy vọt, kêu rống, ăn chơi... Ta cảm thương chúng nó nên mới nói mấy bài tụng vừa rồi.

Nhưng A Nan này! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bầy bò ấy mới như thế đâu, nhân loại cũng có lắm người vui mình trong hoàn cảnh tương tự như thế. Họ chấp trước "Bản Ngã", không biết bản ngã chỉ là sự chuyển biến liên tiếp, vì thế, họ tham lam dục lạc cung dưỡng thân xác, rồi sung sướng khoái chí họ sát hại lẫn nhau, húc chết sự sống của nhau mà không biết là mình đang húc nhau với cái chết! Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết chóc lạnh lẽo tiến đến, thế mà họ vẫn ngang nhiên không hay không biết, có khác gì bầy bò kia?

Phật dạy như thế, trong số được nghe có những người xưa nay cung dưỡng thân thể quá đáng liên tỉnh ngộ, tự cố gắng khuyến khích mình sống theo sự thật. Nhờ thế, nên không bao lâu họ đều chứng

## HOA SEN TRONG NGƯỜI

Thiện Châu

Không có giai cấp khi trong máu người cùng đỏ.  
Không có giai cấp khi trong nước mắt người cùng mặn.

Mai hôm ấy, kinh thành Xá Vệ rộn rịp trong cảnh phố phường buổi sáng. Trên các đường lớn ngựa xe tấp nập; từng đoàn người qua lại trong những bộ áo màu sắc sỡ. Các cửa hàng đông nghẹt những người mua. Tiếng guốc giày của những người quý phái liên tiếp vang lên tạo thành những âm thanh ồn ào náo nhiệt. Nhưng đi sâu vào các đường hẻm thì những cảnh sống hình như vui tươi, giàu mạnh của số đông người trong hai giai cấp Sát Đế Lợi và Bà La Môn ấy không còn nữa, mà những cảnh bần cùng, đen tối của hai hạng người Tỳ Xá và Chiên Đà La hiện ra quá rõ rệt: những chiếc nhà lá thấp lè tè, chật hẹp, đóng cửa từ sáng sớm... Những đứa trẻ đang đùa giỡn chọc ghẹo nhau trên vệ đường. Những người tàn tật nghèo khổ lũ lượt đi từ nhà này sang nhà nọ xin nhờ sự bố thí một cách khó khăn...

Như lệ thường, sáng nay Đức Thế Tôn vào thành để giáo hóa. Bình đẳng, không phân biệt nghèo, giàu, sang, hèn; Ngài đi hết phố này đến xóm khác.

Ni Đề, một thanh niên thuộc giai cấp Chiên Đà La, giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ, đang gánh một gánh phân chạy lon bon trên con đường xóm, thấy Đức Phật, chàng bối rối, sợ sệt, vội rẽ qua đường khác và tự thanh trách; chàng nghĩ rằng mình đã sinh vào nơi thấp kém mà còn phải làm những việc dơ hèn như thế này nữa, thật là vô phước quá, đồng là người thì tại sao người ta lại dìm nhau trong cuộc sống? Tuy rẽ qua đường khác nhưng đôi mắt chàng vẫn dăm dăm hướng về hình ảnh trang nghiêm; sáng rực hào quang của Đức Phật. Một sự ước ao trào dậy trong lòng chàng: Ôi! Biết bao giờ ta được trực tiếp gặp Đức sáng suốt kia. Càng nhìn lòng chàng càng cảm mộ. Tuy chưa gặp Đức Phật lần nào, song đức hạnh hoàn toàn của Ngài, chàng được nghe nhiều người kể lại.

Hiểu tâm niệm Ni Đề qua những cử chỉ rụt rè và đôi mắt dăm chiêu, Đức Phật bước nhanh về phía Ni Đề. Thấy Phật đến, Ni Đề hoảng hốt: Vì tự thấy mình nhóp nhúa không đáng gần Phật, phần sợ người bắt tội nên chàng nhanh chân lần tránh.

- Con ôi! Như Lai đến với con đây! Sao con lại tránh? Đức Phật ở xa nói lại với một giọng trong thanh, êm ái.

Đề đôi thùng xuống, run rẩy Ni Đề quỳ thưa:

- Bạch Ngài con không dám... Có điều chi dạy bảo xin Ngài ban cho, xin Ngài đừng đến gần con...

Đức Phật bước thêm và đến sát Ni Đề. Ni Đề cúi xuống và sắc mặt biến xanh, ra vẻ sợ sệt lắm. Nở một nụ cười chan chứa tình thương Đức Phật nói:

- Con ơi! Không ai có quyền bắt tội con đâu, vì chính Như Lai đến với con, chứ không phải con đến với Như Lai. Hơn nữa Như Lai nay không phải là người trong giai cấp vua chúa như Thái tử Tất Đạt Đa ngày xưa, mà là người của tất cả chúng sanh, nhất là hạng người đau khổ như con. Như Lai muốn nói với con một vài câu chuyện... Nghe qua những lời nói dịu hiền và có lý của Đức Phật, Ni Đề bớt lo sợ và nhìn Đức Phật một cách kính mến, chàng thưa:

- Chẳng hay Đức Thế Tôn vẫn đoái hoài đến người cùng khổ này sao? Và con đây cũng được Như Lai dạy bảo và được thật hành theo đạo của Như Lai nữa sao?

Một cách nghiêm nghị Đức Phật hỏi: Ai đã làm cho các con thắc mắc những điều ấy?

- Bạch Thế Tôn: những đạo sĩ Bà La Môn thường nói chỉ có giai cấp họ và người trong dòng Sát Đế Lợi mới có quyền thờ kính Hiền Thánh và có quyền giao thiệp với người đồng giai cấp, chứ bọn con thuộc dòng hạ tiện không có phép làm những việc của họ làm và phải trọn đời phục dịch họ...

Ni Đề muốn nói nhiều nữa song Đức Phật ngắt lời và hỏi:

- Vậy con không biết Như Lai ra đời để cứu khổ cho chúng sanh bằng cách phá tan những sự mê tín dị đoan, ý lại thần quyền và đưa chúng sanh đến cuộc sống bình đẳng và an vui sao?

Thôi, giờ đây, con có muốn sống một đời sống tươi đẹp và rộng rãi không? Và con muốn sống gần Như Lai không?

Sung sướng muốn chảy nước mắt, Ni Đề đáp: - Đó là điều mà con tưởng không bao giờ thực hiện được; nếu được Như Lai cứu độ thì đó là một phúc lành của con vậy.

Dịu dàng Đức Phật cầm tay Ni Đề dắt đến bờ sông gần đấy... Tắm rửa xong, Ni Đề theo Đức Phật trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn được Phật và Giáo Hội thọ nạp cho là Tỳ kheo, qua một thời gian tinh tấn tu luyện vị Tỳ kheo mới nhập đạo này đắc quả Tu Đà Hoàn rồi lần chứng quả A La Hán.

Bấy lâu Ba Tư Nặc vương bất bình và không hiểu tại sao Đức Phật là người của dòng hào thế Thích Ca mà lại độ đệ tử phần nhiều là những người ở hai giai cấp dưới. Nay lại được nghe Đức Phật vừa độ cho Ni Đề, ông càng bất bình hơn nữa. "Đánh lễ - ai chứ ta không đánh lễ anh chàng Ni Đề được...!". Ba Tư Nặc vương lắm bầm như vậy. Càng nghĩ càng tức giận, Ba Tư Nặc vương liền cùng với các vị cận thần đi đến Tịnh xá Kỳ Hoàn để xin Phật đừng độ cho Ni Đề là Tỳ kheo và từ rày về sau đừng cho những người thuộc cấp hạ tiện (theo quan niệm của ông và những người trong hai giai cấp trên) xuất gia.

Vừa đến tam quan Tịnh xá Kỳ Hoàn, thấy một vị Tỳ kheo đang ngồi trên một hòn đá lớn khô và chiếc áo cũ, Ba Tư Nặc vương liền đến nhờ vị Tỳ kheo ấy vào bạch Phật xin cho ông yết kiến. Nhận lời, vị Tỳ kheo liền xuyên qua hòn đá và ẩn mình đâu mất, làm cho Ba Tư Nặc vương và các cận thần hoảng sợ nhưng vô cùng khâm phục!

Một lát sau, cũng từ hòn đá ấy hiện ra, vị Tỳ kheo khi nãy trả lời cho Ba Tư Nặc vương:

- Đại vương cứ vào, Đức Thế Tôn đã hứa cho.

Ba Tư Nặc vương bái chào rồi đi ngay vào tịnh xá.

Đánh lễ Đức Phật xong, Ba Tư Nặc vương liền hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ kheo vừa xin cho con vào yết kiến là ai và tên là gì mà có thần thông quảng đại như vậy? Thầy đã xuyên qua đá cứng một cách nhẹ nhàng, tự tại...

- Đại vương! Ấy là Ni Đề, người gánh phân ở thành Xá Vệ mà ta đã độ cách đây hơn một tháng, nay đã chứng quả A La Hán nên đã có những thần lực như vậy.

Thấy Ba Tư Nặc vương im lặng và ra chiều suy nghĩ, Đức Phật ôn tồn nói thêm:

- Nay Đại vương! Trong đất bùn nhơ nhớp nở lên những cánh sen đầy hương thơm tinh khiết. Đại vương có thích và có ưa hái không?

- Bạch Thế Tôn! nếu là hoa đẹp hương thơm thì không ai không quý và không muốn hái để ngắm nghía và trang hoàng cả.

- Đại vương! Cũng vậy tuy là người ở trong các giai cấp dưới (ấy là do con người phân chia), nhưng nhờ sự trau dồi đức hạnh, rèn luyện trí tuệ mà trở thành Thánh Hiền thì người trí tuệ có nên cung kính cúng dường không?

- Bạch Thế Tôn! Đã là Thánh Hiền thì rất đáng cho phàm phu chúng con cung kính cúng dường lắm!

- Lành thay! Đại vương quả là người sáng suốt biết quý trọng "giá trị chân thật" của con người.

Mặt trời làm tan mây mù ra sao thì những lời của Đức Phật cũng làm tan những ý niệm khinh rẻ chán ghét Ni Đề và các người trong hai giai cấp dưới của Ba Tư Nặc vương thế ấy... Bắt đầu từ đó ông vô cùng kính phục tài năng và đức hạnh của Ni Đề, vị Tỳ kheo mà ông đã gặp ở tam quan.

Ba Tư Nặc vương lại xin Phật cho thỉnh A La Hán Ni Đề ngày mai vào nội thành để giáo hóa cho hoàng tộc và nhân dân và cũng để ông cúng dường luôn thể. Phật hứa cho, Ba Tư Nặc và các vị cận thần đánh lễ và trở ra tam quan để trực tiếp cung thỉnh vị A La Hán thần thông tự tại khi nãy.

Được vị A La Hán này chấp nhận, Ba Tư Nặc vương vô cùng sung sướng. Trên đường về ông không ngớt tán thán Đức Phật, đáng hiện thân của bình đẳng và Giáo Hội của Ngài là một đoàn thể đầy đủ tài năng và đức độ.

## VUA A DỤC TRỞ VỀ VỚI PHẬT GIÁO

Thiện Dụng

Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài đã đem Chánh pháp phú chúc cho các vị quốc vương và đại thần, để sự truyền bá Phật pháp mau phổ biến.

Từ ngày Đức Phật diệt độ, nếu quan sát trong lịch sử Phật giáo, thì thấy có hai vị quốc vương thật hết lòng lo hộ trì Phật pháp. Tại xứ Ấn Độ, thì có vua A Dục. Ở Trung Hoa thì có đến mười ông vua có nhiệt tâm với đạo, nhưng chỉ có ông Lương Võ Đế hết lòng vì đạo hơn cả.

Nay xin thuật sơ lịch sử của vua A Dục:

Nguyên vua A Dục là dòng dõi của A Xà Thế vương, thân phụ của Ngài tên là Tần Đầu Sa, thân mẫu thuộc phái Bà La Môn.

Khi Ngài còn nhỏ thì thân thể rất thô kệch xấu xa, nên vua cha chẳng thương yêu. Đến lúc Ngài thành nhân, thì oai võng hơn người và võ nghệ xuất chúng.

Sau nhân có việc nội loạn tại thành Hưu Thị La, vua cha mới sai Ngài đi chinh phục. Khi đâu đó được bình yên, vua cha thấy Ngài có công lao nên phong làm Thái tử.

Cách ít lâu, vua Tần Đầu Sa thắng hà, thì Ngài kế vị, song tánh rất bạo tàn vô đạo, đến nỗi giết hết mất trăm người tôi đại thần và kẻ thân thuộc.

Mùa xuân năm ấy... trăm hoa đua nở, cảnh vật vui tươi, Ngài mới dẫn bọn cung nữ đi dạo khắp vườn hoa mà thường ngoạn. Khi ra ngắm cảnh vườn xuân, bọn cung nữ chỉ lo chơi giỡn và trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, chớ chẳng quây quần bên Ngài như lúc ở tại nội điện. Vua nổi giận, truyền bắt giết tất cả, rồi tức thì trở về cung, chứ không đi thưởng ngoạn nữa. Lúc ấy, toàn dân trong nước đều ta thán cho Ngài là một ông vua đại gian ác.

Đã vậy mà Ngài còn lập ra một chỗ gọi là: "Địa ngục ở trần gian", đặt tên là vườn "Ái lạc" ngoài thì sắp đặt cực kỳ tốt đẹp, nào là ao sen non bộ, cỏ quý hoa thơm, cũng như công viên, để cho nhân dân mặc tình đến đó mà thưởng thức giải trí...

Nhưng trong, thì có non đào rừng kiêu, lò lửa vạt dầu, và đủ các món khí cụ để hành hình người một cách ghê gớm.

Hễ người nào vào trong vườn Ái lạc đó, thì ngục tốt bắt giam, rồi cứ hành hình. Còn những thế nữ ở trong cung mà cãi cộ xung đột với nhau, thì bắt đem vào cho chủ ngục phân xử. Thiệt là một cái thảm trạng thống khổ của nhân gian không kể xiết. Khi ấy có một vị Tỷ kheo, nhân đi khát thực nơi thành Hoa Thị, vì chẳng thông thuộc đường xá nên lạc vào vườn "Ái lạc", nhìn thấy cảnh tượng bên ngoài thì tốt đẹp lạ lùng, còn phía trong quả là một chốn địa ngục.

Thầy Tỷ kheo hoảng kinh, toan kiếm đường trở ra, ai ngờ bị ngục tốt đón bắt lại. Thầy hết sức yêu cầu mà bọn ấy không dung thứ, nên thầy bèn khóc òa.

Chủ ngục thấy vậy liền hỏi: Thầy là người tu hành, sao mà sợ chết đến nỗi khóc như con nít vậy?

Thầy Tỷ kheo đáp:

- Tôi chẳng phải sợ chết mà khóc, vì sợ mất sự lợi ích cả một đời người của tôi, nên mới ai bị như thế?

- Sự lợi ích làm sao, Thầy bày tỏ cho tôi nghe thử?

- Số là tôi mới xuất gia, chưa chứng được đạo quả. Tôi nghĩ lại thân người khóặng, Phật pháp khó gặp, nay rủi sa vào chỗ ác địa này, thế nào cũng phải hủy mạng, thì còn đâu mà tu học nữa nên tôi mới khóc, chứ tôi đâu có sợ chết.

Thầy Tỷ kheo nói rồi, mới khẩn cầu với chủ ngục xin dung thứ cho Thầy sống sót trong bảy ngày, rồi sẽ hành hình chẳng muộn.

Chủ ngục thấy người tu, thì cũng động tâm, nên y theo lời của Thầy xin mà đình lại bảy ngày mới toan hạ thủ.

Ngày đầu, thầy Tỷ kheo nhìn thấy cách hành phạt rất độc ác, nào là người phụ nữ thân hình tốt đẹp mà bị bỏ vào cối quết người thì xương tan thịt nát, xem rất ghê sợ; nào là bọn ca nhi nhan sắc tuyệt vời mà cũng bị quăng vào lò lửa, đưa thì rút tay co cổ, đưa thì hả miệng nhả răng.

Thầy Tỷ kheo thấy cảnh tượng ấy thì sanh lòng nhàm chán, mới nhớ lời Phật dạy rằng: "Sắc lịch diệu

dàng đường như bột nhóm, dung y đẹp đẽ mà đâu còn hoài". Nhờ chỗ dẫn chứng lời của Phật dạy đó mà Thầy tỏ ngộ, dứt hết các điều tạp nhiễm, liền chứng đắc quả A La Hán.

Đến ngày thứ tám, ngục tốt bèn bắt Thầy đem bỏ vào chảo dầu, rồi chất củi mà đốt. Song khi lửa hạ và củi thành tro mà dầu trong chảo vẫn tự nhiên không nóng.

Chủ ngục thấy vậy nổi giận, đánh đập bọn ngục tốt, rồi hỏi đem củi cho nhiều và chụm thêm vào mãi mãi, nhưng đến khi xem lại trong chảo dầu thì thấy Thần Tỳ kheo ngồi kiết già trên hoa sen, xem bộ tự nhiên chẳng hề lay động chút nào cả. Chủ ngục hoảng kinh, lật đật đến tâu tỵ sự cho vua A Dục rõ.

Vua tách nóng như lửa, khi nghe tin ấy liền tức tốc đi thẳng đến vườn Ái lạc.

Vua vào đến nơi, thì thấy Thầy Tỳ kheo hiện thân lên hư không, biên đủ 18 phép thần thông, trên mình thì nước tràn lênh láng, phía dưới thì lửa cháy rần rần, thí như một hòn núi lớn ở giữa không gian vậy.

Vua A Dục đứng nhìn sững sốt một hồi, rồi tự nghĩ: "Mình với Thầy Tỳ kheo này cũng đồng là loài người, có sao Thầy lại được phép thần thông tự tại như thế, còn mình thì lo việc sát hại nhân dân, làm việc đại ác!".

Vua nghĩ như thế nên vội vàng quỳ xuống bạch với vị Tỳ kheo ấy rằng: "Ngửa mong Thánh giả chiếu cố đến tôi, xin hạ xuống nơi đây, tôi nguyện từ rày về sau bỏ dứt làm lành mà quy với Ngài".

Thầy Tỳ kheo đáp:

- "Hay thay! Hay thay! Nay đại vương đã tự hối mà quy đầu Tam bảo, thì sẽ được phước đức vô cùng và hân hạnh cho dân chúng biết bao".

Thầy Tỳ kheo nói xong, liền dùng thần lực của mình mà trở về tịnh xá.

Khi vua A Dục đã quy y theo Phật rồi, thì trong lòng hân hoan vô cùng, định sửa soạn trở về cung. Bỗng người chủ ngục đến tâu: "Khi Đại vương lập ra cảnh "Nhân gian địa ngục" này, có ra lệnh hể ai vào đây thì không cho ra. Tôi đã thọ mạng rồi, nên không dám cãi. Còn Đại vương là bậc thiên tử cũng phải nhất ngôn mới được".

Nghe chủ ngục nói như thế, vua A Dục mới hỏi: "Cứ theo lời của nhà người nói đó, thì bây giờ nhà người muốn giết ta hay sao?".

Chủ ngục đáp: "Quả như lời của Đại Vương đó, thì mới đúng với quân lệnh".

Vua A Dục liền hỏi lại chủ ngục: "Vậy khi ban sơ tạo vườn Ái lạc này, nhà người với quả nhân ai vào đây trước?".

Chủ ngục thưa: "Tâu Đại vương! Tôi vào đây trước".

Vua nghe đáp như vậy, tức thì truyền cho ngục tốt áp lại bắt chủ ngục bỏ vào chảo dầu, đồng thời ra lệnh phóng hỏa đốt hết cả vườn Ái lạc.

Từ đây về sau, vua bỏ hẳn các điều dữ mà làm những việc lành, và tâm tánh hết sức từ bi nên kẻ thời nhơn đồng ca tụng là Đạt Ma A Dục Vương (ông vua hiền lành).

Sau lại nhờ đức Ưu Ba Cúc Đa (Tổ thứ tư) giáo hóa thêm, nên vua càng tín ngưỡng Phật pháp hơn nữa, chính vua đã phái 256 vị Cao tăng đi khắp trong xứ để truyền bá Phật giáo...

## CON CHÓ ĐÓI

Hoàng Minh

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một ông vua rất hung ác, nghe Phật đến thuyết pháp trong nước mình, ông liền ngự giá đến chỗ Phật ở và xin Ngài kể một câu chuyện gì đã vui lại hữu ích nữa.

Đức Phật liền kể chuyện con "Con Chó Đói" như sau:

"Thuở xưa, có một vị quốc vương rất bạo ngược, hà khắc với dân lành, nhân dân đều oán trách. Ông Đế Thích thấy vậy liền hiện xuống trần đất theo một con quỷ rất dữ. Ông Đế Thích hóa mình thành một người thợ săn, còn con quỷ thì biến thành một con chó cao lớn.

Người thợ săn dẫn con chó vào cung của vị quốc vương để yết kiến. Bỗng con chó vùng tru lên dữ dội, làm cho lâu đài cung điện đều rung rinh... Vị quốc vương thất kinh, liền đòi người thợ săn đến trước ngai vàng mà hỏi rằng:

- "Gã kia, vì có gì mà con chó tru lên dữ vậy?".

Người thợ săn thưa:

- Tâu Bệ hạ, vì đói nên nó tru.

Vị quốc vương liền ra lệnh đem cơm cho chó ăn. Nhưng một điều không ngờ là đem bao nhiêu thì con chó ăn hết bấy nhiêu, tất cả thực vật trong kho đã hết sạch mà nó vẫn chưa no, nên nó càng tru lên dữ dội hơn nữa, mà ác hại thay, mỗi lần nó tru thì cung điện đền đài của quốc vương lung lay hình như muốn sụp đổ...

Vị quốc vương không biết tính thế nào, mới hỏi người thợ săn:

- Lấy cái gì cho nó ăn để nó nín?

Người thợ săn đáp:

- Tâu Bệ hạ, lấy thịt của người nó ghét cho nó ăn nó hết tru.

Quốc vương hỏi:

- Nó ghét kẻ nào?

Người thợ săn tâu:

- Nó ghét những kẻ bất công hãm hại dân nghèo. Ngày nào trong nước không có dân đói khổ nữa, ngày đó nó mới nín...

Vị quốc vương liền nhớ tới những việc ác của mình làm thì hết sức hối hận, từ đó mới ăn năn chừa cải, chịu nghe những lời công bình chánh trực".

Đức Phật kể dứt câu chuyện này thì mặt vua tái ngắt.

Đức Phật dịu dàng dặn với nhà vua rằng: "Ngày nào bệ hạ nghe tiếng chó tru thì bệ hạ hãy nhớ đến câu chuyện ta kể. Bệ hạ có thể làm cho con chó nín được".

## CÔNG CHÚA NHẬT QUANG

Quảng Tiến

Sướng gì hơn sướng làm lành  
Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu

Công chúa Nhật Quang là con thứ hai của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ.

Công chúa rất đẹp, một vẻ đẹp thùy mị hơn hẳn các thiếu nữ đương thời ở nước Xá Vệ; Công chúa lại rất thông minh học đâu nhớ đấy. Không những công chúa sắc sảo về môn nữ công mà còn tinh thông các triết lý học thuật; đức hạnh công chúa cũng quán chúng, tuy sanh trong giai cấp vua chúa cao sang, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm tốn nhã nhặn, nhất là đối với hạng nghèo khổ tật nguyền, công chúa thành thật yêu mến và luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Vì thế nên công chúa được rất nhiều người kính trọng. Người nào đã hân hạnh gặp công chúa một lần, họ sẽ nhớ mãi nụ cười hiền hòa và lời nói thanh tao của công chúa. Đối với cha mẹ, công chúa thật là người con hiếu hạnh, nàng hầu hạ vua và hoàng hậu hết sức chu đáo, và không bao giờ nói một lời hay làm một việc trái ý vua và hoàng hậu.

Ba Tư Nặc vương được một người con xứng đáng như vậy, vua rất cung quý, có thể nói công chúa Nhật Quang là viên ngọc vô giá của vua nước Xá Vệ. Những cuộc quan sơn ngoạn thủy của vua, công chúa đều được tham dự, mỗi khi quốc sự rảnh rang, nhà vua thường đòi công chúa đến hầu chuyện, hỏi những vấn đề thắc mắc công chúa đều trả lời trôi chảy, nhà vua rất đẹp dạ.

Một buổi chiều nhà vua đang dùng trà tại vườn ngự uyển, có công chúa đứng bên cạnh, nhà vua nhìn con rồi vui miệng phán rằng: "Khắp nước Xá Vệ này không ai được hạnh phúc bằng con, đời con được như thế thật là hoàn toàn nhờ sức của cha mẹ tác thành vậy".

Công chúa Nhật Quang thành thật trả lời: "Tâu phụ vương, công ơn sanh dưỡng của Phụ hoàng và Mẫu hậu như trời bể con không hề dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con thiết tưởng cũng có ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn nhờ kiếp trước con đã tu nhân tích đức nhiều vậy".

Câu nói của công chúa không ngờ đã chạm lòng tự ái của vua Ba Tư Nặc quá mạnh, vua liền đứng dậy, lặng lẽ trở vào cung.

Đêm hôm ấy, nhà vua không hề chợp mắt, suy nghĩ mãi lời nói của công chúa, và vua rất bức tức, đưa con yêu và ngoan ngoãn của mình chưa bao giờ trái ý mình dù là một cử chỉ nhỏ nhất, hôm nay lại xúc phạm đến lòng tự ái của mình, có thể nói là không thừa nhận một lý thuyết (nghĩa là hạnh phúc của con hoàn toàn do cha mẹ tác thành) mà ông cho là muôn đời bất biến và ai cũng phải công nhận.

Muốn bảo thủ thành kiến của mình, nên mới sáng tinh sương, Ba Tư Nặc vương liền đòi viên cận thần thân tín bảo rằng: ta cần một thanh niên trạc tuổi công chúa Nhật Quang mà hiện sống trong một cảnh nghèo hèn, cơm không có ăn, áo không đủ mặc, ngươi phải tìm cho ra một người có đủ điều kiện ấy, dẫn về đây cho ta.

Ba ngày sau, viên cận thần dẫn về một thanh niên hành khất, mặt mũi khô ngô, nhưng trong người chỉ mặc vón vện một chiếc khố rách đến yết kiến vua Ba Tư Nặc. Vua rất mừng ban thưởng viên cận thần xong, quay lại hỏi thân thể thanh niên hành khất rồi bảo rằng: Ta thấy ngươi nghèo khổ, chưa có gia thất, nay ta đem công chúa Nhật Quang gả cho ngươi, ngươi được quyền dẫn công chúa

đi đâu tùy người.

Thanh niên nghèo khổ kia không biết trả lời ra sao chỉ cúi đầu vâng lệnh.

Vua lại kêu công chúa Nhật Quang đến phán rằng: hôm kia con đã nói: "Hạnh phúc của con hiện tại phần lớn là do con đã tu nhân tích đức ngày trước. Nay ta muốn thí nghiệm lời ấy, nên ta đã gả con cho một thanh niên hành khất, nếu con có phước báo thì con cũng trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con, khi nào có chiếu chỉ mới được trở về cung".

Với nét mặt đầy nghiêm nghị của Vua Ba Tư Nặc vương, công chúa không dám nói gì, chỉ yên lặng trở về hậu cung.

Sáng ngày công chúa vào lạy cha mẹ, từ biệt mọi người, rồi bình tĩnh ra đi với thanh niên hành khất.

Hoàng hậu và thần dân đều thương xót và khóc lóc, lo ngại cho số phận công chúa, nhưng ý vua đã quyết nào ai dám mở lời khuyên can!

Ra khỏi hoàng cung, công chúa hỏi thanh niên hành khất rằng: Cha mẹ chàng đâu? Nhà cửa chàng đâu? Vì sao chàng lại nghèo khổ đến thế?

Thanh niên buồn rầu đáp: "Gia đình tôi trước cũng giàu có, vì được cha mẹ cưng quý, tôi tiêu xài hoang phí, ham chơi bời với chúng bạn, có học tập nhưng không đậu đạt gì, đến khi cha mẹ qua đời, tôi bán hết ruộng đất nhà cửa, hiện nay chỉ còn một sở vườn cách đây ba trăm dặm cỏ lác mọc đầy, cho người ta mướn họ không mướn, bán họ không thèm mua, hết của cải, không nghề nghiệp không biết nghề gì nuôi thân, nên phải hành khất độ nhật. Hôm nay tôi đang lang thang giữa đường, thì gặp một vị quan của vua, ông ta hỏi cận kề về gia thế tôi, rồi ông dẫn tôi yết kiến nhà vua, không biết gì sao nhà vua lại đem công chúa gả cho một kẻ nghèo hèn như tôi?".

Vẫn nét mặt ôn hòa công chúa nói với thanh niên hành khất rằng: "Dù sao từ nay chúng ta cũng đã là vợ chồng, chúng ta phải tìm phương kế làm ăn và trước hết phải tìm nơi tạm trú".

Không biết tìm chỗ nào khác, nên công chúa và thanh niên hành khất liền dẫn nhau đến sở vườn của cha mẹ thanh niên để lại - thật là một mảnh vườn hoang phế, cỏ lác um tùm sỏi đá lởm chởm. Hai người bàn định cắt cỏ đốn cây che một chiếc chòi nhỏ vừa tạm ở, những người quanh đây có người biết công chúa Nhật Quang nên cùng nhau đến giúp đỡ công việc cho công chúa. Đến khi đào đất để dựng cột nhà, vừa đào được vài lát đất thì gặp ngay ba cái chum lớn niêm khăn cẩn thận. Công chúa liền mở chum ra thì thấy trong ba cái chum ấy, vô số là vàng bạc châu báu, công chúa vui mừng sung sướng đem bán bớt một số châu báu rồi mướn người dọn dẹp cỏ rác, trồng tía hoa quả, tạo lập lâu đài... Vốn sẵn tánh hiền lành lại sẵn lòng yêu thương giúp đỡ mọi người, nên thợ thuyền tôi tớ rất trung thành tận tụy, không bao lâu đám vườn hoang phế kia đã biến thành một vườn hoa trăm sắc muôn màu; lâu đài trang hoàng lộng lẫy, người vô kể ra tấp nập không khác dinh thự của bậc đế vương.

Từ khi công chúa rời khỏi cung điện, vua Ba Tư Nặc sanh lòng hối hận đêm ngày trông nhớ, nhà vua định ninh rằng: Công chúa lâu nay chắc gặp nhiều khổ sở và định đón công chúa trở về cung để an hưởng cảnh đoàn viên phú quý. Nhà vua liền phái một số cận thần tìm nơi công chúa ở và dò xem đời sống của công chúa ra sao?

Sau một thời gian dò xét, các cận thần về tâu với nhà vua: "Công chúa ở cách xa cung điện nhà vua chừng ba trăm dặm và hiện đang ở trong cảnh phong lưu sung sướng giàu có ức triệu". Vua Ba Tư Nặc không tin, liền đến nơi dò xét quả đúng như lời các cận thần. Nhà vua nói với kẻ tả hữu rằng: "Trẫm thấy đời sống của vợ chồng công chúa Nhật Quang hiện tại, tuy trẫm là vua một nước, thật cũng không sung sướng bằng".

Nhưng vua cũng băn khoăn thắc mắc không biết tiền kiếp công chúa đã tu những nhân lành gì mà nay được nhiều phước báo như vậy.

Vốn nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc đại giác, nên vua thân hành đến Tịnh xá nơi Phật thuyết pháp, cung kính bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Nghe danh Ngài là bậc đại giác chứng nhất thế trí, hiểu thấu việc trong ba đời, nay đệ tử có điều nghi xin Ngài chỉ dạy: "Nhật Quang công chúa thứ hai của đệ tử, không biết đời trước tạo nhân lành gì, mà ngày nay tướng mạo đẹp đẽ, thông minh xuất chúng, giàu có sang trọng... Đệ tử đã gả công chúa cho một kẻ hành khất nghèo hèn thế mà công chúa cũng đào được vàng bạc rồi trở nên sang trọng hơn người.

Đệ tử cứ thắc mắc mãi mong Ngài từ bi khai thị cho đệ tử rõ?"

Đức Phật Thích Ca nở nụ cười hiền hòa muôn thuở thông thả dạy rằng: "Nghi vấn Đại vương sẽ được tiêu tan sau khi nghe câu chuyện này:

- Này Đại vương! Xưa kia khi Đức Phật Ca Diếp ra đời, có hai vợ chồng người lái buôn giàu có, người vợ rất tôn kính Tam bảo, thường khuyến khích mọi người bỏ việc ác làm lành, quy y Tam bảo, lại hay làm việc bố thí cúng dường, nhất là đối với kẻ tàn tật, nằng hết sức thương mến và tận tâm chăm sóc. Người chồng lại có tánh bồn sên, mỗi khi thấy vợ làm việc cúng dường bố thí, thì tỏ ra thái độ bất bằng, tìm cách ngăn cản.

Một hôm gặp ngày nguyên đán, người vợ thành tâm sắm sửa lễ vật để cúng dường Tam bảo và bố thí kẻ nghèo trong ba ngày, người chồng thấy vậy bực tức nói rằng: "Hãy để dành tiền của lại sắm sửa thêm nhà cửa ruộng đất, chứ làm những việc ấy thêm hao tốn, phỏng có ích gì!". Người vợ dịu dàng trả lời: "Của cải là vật vô thường ta không bỏ nó, rồi nó sẽ bỏ ta; hơn nữa những kẻ nghèo khổ hiện tại, theo trong kinh Phật dạy, đều do đời trước tham lam ích kỷ, không biết dùng tiền của làm các việc phước thiện; ngày nay đời sống của vợ chồng chúng ta tạm gọi là khá giả, chúng ta nên dùng một số tiền làm các việc phước thiện để bảo tồn hạnh phúc tương lai cho chúng ta, và cũng gọi là góp một phần trong công việc nghĩa chung vậy".

Nghe mấy lời giải thích của vợ, người lái buôn mới tỉnh ngộ và cảm động, từ đó anh không ngăn cản vợ mà lại rất hăng hái trong công việc làm phước đức...

Này Đại vương! Vợ người lái buôn xưa kia chính là công chúa Nhật Quang ngày nay, đời trước nằng thường khuyến khích mọi người bỏ ác làm lành, quy y Tam bảo, nên được quả báo thông minh xuất chúng; đời trước sốt sắng cúng dường bố thí, nên nay được quả báo sung sướng giàu sang, nhiều người mến phục; đời trước tận tâm săn sóc giúp đỡ kẻ tàn tật, ngày nay được quả báo nhan sắc đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang.

Người lái buôn xưa kia chính là chồng công chúa hiện tại, ngày trước lúc chưa tỉnh ngộ, anh ta bồn sên hay ngăn cản việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đói rách một thời.

Vua Ba Tư Nặc nghe Phật kể rõ tiền kiếp của công chúa Nhật Quang, nhà vua mới tỉnh ngộ, và rất thâm cảm đạo lý nhân quả tội phước của Phật. Rồi vua cúi đầu đánh lễ Đức Phật ra về.

Về đến cung, công việc đầu tiên của vua là cho người đón rước vợ chồng công chúa Nhật Quang về. Gặp công chúa, vua Ba Tư Nặc khôn xiết vui mừng, vua không quên nói nhiều lời hỏi hân, với công chúa Nhật Quang cũng rất sung sướng được gần gũi phụng sự cha mẹ, và giúp vua cha trong việc trau dồi đạo đức, bảo quốc an dân. Thanh niên hành khất chồng công chúa, cũng được vua phong cho một chức quan cao cấp trong triều đình.

## ĐỨC PHẬT VỚI CON VOI DỮ

Tiến Mạnh

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của Vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát hại vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.

Trong số bè cánh nhà vua lại có Đề Bà Đạt Đa em họ Đức Phật. Vị này cũng sẵn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy Đức Phật được nhiều người cung kính, Đề Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đấng Giác ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chứng nào tật nấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của nhà vua, nên Đề Bà Đạt Đa đến tại sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài: "Ta đây là bạn thân với nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. - Sáng mai thầy Gotama (Đức Phật) sẽ đi trì bình khát thực qua đây, các người cứ việc thả voi hung dữ Nalagiri ra để làm thịt thầy".

Sáng hôm sau, Đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để trì bình khát thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dầy xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tình mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đằng trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người đã đến nơi kia! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

- Nay các Tỳ kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh Giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đấng Như Lai chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ẩn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

- Chà, uổng quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn là hiểu biết chân lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Từ phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt Đức Phật, mọi người phập phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài.

Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Nay voi ơi! Người nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước nữa.

Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút tất cả bụi đã bám vào chân Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biết ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đánh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ.

Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đề Bà Đạt Đa biết hối hận! Vua A Xà Thế biết trở về với Chánh Pháp.

## NĂM GIỌT MẬT

Ngày xưa có một tên tử tù vừa vượt thoát khỏi lao ngục, chạy bán sống bán chết. Đằng sau hắn, hai con voi đang đuổi theo, do sự tổ chức truy nã của nhà cầm quyền.

Trong cơn hốt hoảng, chẳng may hắn ta rơi tòm xuống một cái giếng sâu ở dọc đường.

Nhưng trong cái rủi ro cũng còn được chút may mắn: Khi thân mình chưa rơi tới đáy, không biết quờ quạng vùng vẫy như thế nào mà hắn ta níu được một cái rễ cây mọc thông xuống giếng.

Hú vía ! qua giờ phút nguy ngập ấy, hắn tưởng chừng như đã yên thân: hai con voi sẽ chẳng biết mình ở đâu mà tìm. Nhưng ý nghĩ ấy thoát biến mất theo hơi thở: hai con voi đã đến bên miệng giếng, gầm rống vang động, hút phăng tất cả những cây cỏ mọc trên miệng giếng như để thị uy.

Nếu hắn mà lên thì phải chết!

Hắn hốt hoảng quá. Nếu sợi dây đang đeo mà đứt thì thật là chắc chết mười phần. Hắn ta tính phăng tuột lần xuống đáy giếng để may ra có chút hy vọng nào không. Nhưng bắt đầu nhìn xuống đáy giếng sâu thẳm, hắn ta thấy ba con rồng đang múa vuốt, giờ nanh, miệng phun lửa dữ, như muốn bay đến nuốt trửng hắn. Điếng hồn, hắn đành phải cố bám chặt sợi dây, đeo lưng lẳng giữa chừng. Nhưng có phải được vậy là yên thân đâu? Ác nghiệt làm sao, kẻ trên miệng giếng, hai con chuột cống xù, một đen một trắng, đang đua nhau rập cắn sợi dây. Ác nghiệt hơn nữa là bao quanh thành giếng, theo những lỗ trũng gần hắn nhất, bốn con rắn độc bấy giờ xuất hiện, ngóc đầu, thè lưỡi toan mổ.

Những biến cố dồn dập xảy tới tấp làm cho hắn ta hết phương trốn tránh, ý nghĩ liều mạng lại hiện đến: bề nào cũng không khỏi chết, thà leo ngược trở lên mặt đất, rồi bỏ chạy, dù có chết cũng còn thây. Thế là hắn ráng phăng lần leo ngược trở lên. Khốn khổ quá, phần lo sợ, phần đuổi sức, mồ hôi bò kê ướt đầm. Miệng khô cổ cháy, hắn ngước mặt lên trời mà than rằng: "Trời sao nỡ hành hạ ta đến nông nỗi này".

Càng mệt, càng thở, hơi thở càng lúc càng ngắn dần; thở bằng mũi không kịp, hắn phải há miệng để thở phụ, trong giờ phút mạng cùng tuyệt vọng ấy, bỗng một bầy ong mật bay ngang qua làm rơi vào miệng hắn 5 giọt mật... Hắn ta chíp ngay, chấp chấp thấy ngon ngon... mê tít... và trong giây phút, quên mất bao nhiêu sự nguy nan đang bao vây hắn...[1]

Người ta có thể quên bằng đi được tất cả bao nhiêu khổ sở, đau đớn, khi người ta nhận được chút ít an ủi bằng Danh lợi, Tiền tài, Sắc đẹp, Tiếng khen, Ăn ngon, Ngủ kỹ.

Chỉ vì năm giọt mật "Ngũ dục" không đáng giá trong lòng lúc dục vọng đang khao khát trông chờ, mà người trong giếng có thể quên đi được bao nhiêu sự nguy hiểm đang bao bọc quanh mình; loài người vì năm món dục lạc mà quên đi tất cả những gì khổ não, tạm bợ, mạng sống không khác nào như chỉ mảnh treo chuông !

## NAI HIỀN

Ở hiền thì gặp lành,  
Hễ ai làm dữ tan tành ra tro.

Ngày xưa...

Ngày xưa trong một khu rừng ven bờ sông Hằng Độ, xuất hiện một con Nai hiền. Nai đẹp vô cùng, sừng màu trắng vươn cao như pha lê lỏng lánh: da óng ánh vàng như gấm đính thêm từng hành minh muôn màu. Cả thân hình Nai thanh tú ấy có thể đã tập trung hết mọi vẻ đẹp của trần gian. Nhưng đôi mắt Nai buồn lắm thế? Có cái chi u ầu như thương cho cuộc sống mê lầm.

Nai chính là hiện thân của một vị Bồ tát. Nai nghe và nói được tiếng người. Thú trong rừng thương Nai, quay quần bên Nai như một bà mẹ hiền, theo lời Nai như một bậc thầy sáng suốt. Nai đem tình thương hòa vào cuộc sống muôn loài, núi rừng vì thế ít nhuộm màu hồng, con cháu trong rừng chỉ ăn cỏ cây.

Vốn biết thân mình là một miếng mồi thế nhân hằng ao ước, Nai chỉ ở trong rừng sâu, không để cho loài người được thấy. Những đêm trăng sáng, Nai vui cùng muôn thú cảnh thanh bình. Nhưng mà nếu cuộc đời chỉ là có thể thì còn đâu nước mắt đầy vơi?

Có một sáng mùa thu, rừng vừa qua cơn mưa lớn. Nước sông Hằng chảy mạnh. Những dòng suối nhỏ từ lâu vẫn hiền hòa róc rách giữa những triền đá trắng phau, hôm nay mở rộng bờ hung hăng như trắng lớn phun nước vào dòng sông cả. Nai đứng đỉnh xuống bờ sông uống nước.

Nhìn dòng nước cứ mãi tuôn đi, bọt trắng tóe tung trên mặt sông một màu xanh biếc, Nai bỗng thấy lòng ngập tràn chua xót. Không biết bao giờ vạn vật mới thôi quay cuồng trong bóng tối vô minh để trở về với thanh tịnh? Nai tự nhủ: "Nếu cần thì thân này có tiếc chi?".

Bỗng một tiếng kêu cứu từ xa vọng lại:

- Ai cứu tôi với! Trời ơi, tôi sẽ chết mất giữa dòng sâu.

Tiếng kêu càng lúc càng rõ. Nai ngược mắt nhìn ra giữa dòng sông Hằng hung bạo: Một người đang chơi vơi trên một thanh củi mục. Có lẽ y đã chìm đồ ở phía trên kia và nhờ níu được thanh củi mục mà khỏi chết. Nhưng tình thế thì cũng đã ngặt nghèo lắm. Y nổi lên chìm xuống, đôi tay co quắp một cách tuyệt vọng. Chắc sức cũng đã yếu rồi. Tiếng kêu càng lúc càng khan, mắt dần trong tiếng reo hát điên cuồng của sóng nước. Nai biết giờ phút quyết định sự sống còn của người kia đã đến. Không lẽ làm ngơ? Lòng Bồ tát bỗng dạt dào một tình thương cao cả. Đau khổ của người là đau khổ của mình, cứu người là tự cứu mình. Nhìn người quần quai ai thấy vui chi?

Nai lao nhanh xuống dòng nước lũ. Tình thương đã làm nên tất cả. Không quản nhọc nhằn và nguy hiểm, Nai lướt qua sông lớn và cõng người kia lên bờ. Người kia tỉnh lại, ngạc nhiên vô cùng khi biết một con Nai đẹp đã cứu mình thoát nạn. Quá cảm động y quỳ xuống đội lên đầu công đức của Nai. Y nói:

- Hỡi vị Nai thần, tôi không biết làm sao để nói tất cả tấm lòng. Ngài đẹp lắm, nhưng chính lòng vị tha của Ngài mới đẹp hơn cả. Kể từ nay, thân tôi là của Ngài, tùy Ngài sử dụng.

Nai hiền rung rung nước mắt. Quả thật không ngờ lại có người biết ơn đến thế. Nai nói:

- Ông ơi, tôi tưởng sẽ không bao giờ tìm được một người tốt ở cõi thế sa đọa này. Lòng biết ơn của ông đã làm cho tôi vô cùng sung sướng. Nhưng nói làm chi đến chuyện trả ơn. Ông còn vợ con ở nhà, không nên nán lại đây lâu, chắc họ đang nóng lòng chờ đợi. Nhưng ông đừng đem chuyện gặp tôi đây mà nói lại với ai, họ sẽ không ngại gì mà đến tìm bắt tôi. Hãy sống vì đời, vì người. Là thú rừng, tôi không biết nói lời gì đẹp đẻ hơn.

Người kia hứa chắc với Nai, xá tạ xong y lên đường về chốn cũ.

Lúc y về đến thành chính là lúc Hoàng hậu vừa chiêm bao thấy một con Nai vàng kỳ dị. Bà thấy trên một ngôi báu cao sang có một con Nai hiền đang giảng pháp bằng tiếng người. Minh Nai gấn đây châu ngọc, da Nai óng ánh như những lớp gấm đẹp nhất của đời. Hoàng hậu liền đem chuyện ấy thổ thề với nhà vua.

Bà nói:

- Tâu Bệ hạ, thần thiếp nghĩ không còn vật chi quý giá hơn con Nai vàng trong mộng ấy. Nếu vườn thượng uyển này mà có nó... trời ơi, Bệ hạ hãy tìm cách bắt đi!

Vua tin ngay lời Hoàng hậu, ở đời đã có được mấy người đàn ông không nghe lời vợ, không nghe lời thề của một người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp? Thế là vua cho truyền khắp nước:

"Trong sử có chuyện một con Nai vàng mình đầy châu ngọc. Đã nhiều người thấy nó, nhưng không biết bây giờ ở đâu. Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng".

"Quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Ai mà không ham? Người được Nai cứu lắng nghe cho rõ lời truyền rao của vua rồi bất giác y nhìn xuống chiếc áo đã sờn, đôi hài há miệng: Y nghèo quá! Một tiếng thờ báo trước cơn giông tố của lòng. Y biết chắc chắn vợ con y đã hai hôm rồi nhìn đói. Ngay những lúc có y ở nhà, nai lưng người ra đòi lấy bát cơm, gia đình y vẫn không lúc nào no đủ, huống hồ là y đã đi vắng những hai ngày.

Y nhắc lại lời truyền rao: "Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Có thể như thế được không? Sung sướng giàu sang đến thế ư? Trong lòng con người vừa thọ ơn bỗng nổ ra một trận chiến gay go giữa tham lam và đức hạnh. Đức hạnh như nói với y: "Anh có thể quên được công đức của Nai hiền sao? Nếu không có Nai thì bây giờ có anh không? Cứ bội ước đi rồi không còn một kiếp nào anh cất đầu lên được!". Nhưng tham lam nhỏ to than thỉ: "Hãy chỉ chỗ của Nai đi! Anh sẽ được vinh hoa phú quý, vợ con anh sẽ được no đủ".

Lòng y thật như guồng chỉ rối. Y không biết nên theo đạo đức hay giàu sang, trung thành hay phản bội. Con quỷ tham lam góm ghiếc vẫn cứ kề bên than thỉ. Cuối cùng, quỷ tham đã thắng. Một chút lương tâm còn nuôi lại trong lòng, y tự nhủ:

- Ta quyết chỉ chỗ Nai ở cho nhà vua. Kể ra thì cũng tàn nhẫn thật nhưng còn dịp nào để được giàu sang. Bạc tiền và danh vọng trên hết!

Y cười lên sặc sụa, cái cười khoái trá của một con người sắp thỏa mãn. Nhưng y có biết không, bắt nguời từ cái cười ấy, gương mặt y từ hiền lành chất phát bỗng trở thành góm ghiếc lạ thường. Nếu soi gương, chắc y ngạc nhiên về sự đổi thay của mình lắm.

Y vào cung tâu vua biết chỗ ở của Nai hiền. Như mở nước cờ, vua ra lệnh đi săn Nai ngay buổi chiều ấy, khu rừng bị quân lính nhà vua vây kín. Từng đàn chó dữ ào ạt sủa cắn vang động cả một vùng. Chúng lục lọi từng hốc núi, bụi lùm. Tiếng kèn săn rền vọng lên như một lời kết tội.

Nai choàng dậy trong giấc ngủ. Sau cơn hoảng hốt ban đầu, Nai biết mình không thể thoát khỏi tay người hung ác. Cũng vừa lúc ấy, vua và người được Nai cứu đến kề bên.

Y đưa tay chỉ chỗ cho Vua:

- Đó, Bệ hạ xem, con Nai vàng kỳ dị!...

Những tia nắng cuối của chiều thu chiếu lên mình Nai lộng lẫy, từng hang châu ngọc lóe sáng muôn màu. Vua say nhìn Nai đẹp. Cung tên đã sẵn sàng, bọn lính định bắn quí linh thú, nhưng vua ngăn lại:

- Dừng bắn, hãy bắt sống cho ta!...

Nhưng chưa đuổi bắt thì Nai đã tự dẫn mình đến trước mặt vua và nói lớn:

- Thưa Ngài, tôi không hiểu tại sao Ngài có thể tìm được chỗ trú của tôi!

Nhà vua ngạc nhiên - có thể nói là sững sốt - vì Ngài chưa từng thấy Nai nào lại biết nói tiếng người. Vua đáp:

- Hỏi Nai thần, chính người này đã chỉ cho ta.

Mặt Nai và vua đồng một lúc quay về người được Nai cứu. Bỗng nhà vua kêu lên kinh hãi: mặt người kia chỉ trong một khắc trở thành lở loét góm ghê. Mủ máu chan hòa trên gương mặt trước kia hiền lành chất phát.

Nai lên tiếng giảng:

- Thưa Ngài không có gì lạ cả. Đó chính là cái quả báo mà nguyên nhân là sự vong ân của y. Thưa Ngài, người này trước kia đã được tôi cứu khỏi chết đuối, nhưng y đã quên lời hứa mà chỉ chỗ của tôi cho vua. Tham lam đã làm mờ mắt nhân gian. Trong bóng tối vô minh ác nghiệt con người quên hết liêm sỉ và ân tình. Ôi tham lam, gốc nguồn của bao tội lỗi! Vua chợt hiểu. Ngài bỗng thấy ghét cay ghét đắng người được cứu. Quay mũi tên về phía y, vua hét lên dữ dội:

- Kẻ vong ân bội nghĩa kia, mi đã làm nhơ nhuốc danh người. Ta quyết vì đời cho mi chết! Dây cung trương lên, nhưng Nai hiền đã đến chặn phía trước. Minh Nai đã biến thành bình phong che chở cho người kia đang run như một cái đuôi thần lằn. Nai nói với vua:

- Không nên Ngài ạ! Quả báo bao giờ cũng đến với người gây nhân như hình với bóng. Không cần và cũng không có một người nào thưởng phạt hay định đoạt quả báo cả. Chính gương mặt lở loét kia đã trừng phạt y nhiều lần. Tôi xin Ngài hãy tha cho y. Phần tôi, tôi đang chờ Ngài quyết định.

Vua bỗng thấy ánh sáng đạo. Ngài thấy kính phục Nai hiền cùng tột. Ngài kêu lên:

- Đối với kẻ mưu hại mình Nai còn tỏ lòng từ bi cao cả như thế. Nai ơi, trong lốt thú rừng man dã ấy, chính Nai mới thật là người, một con người đúng nghĩa. Còn chúng tôi đây, Tuy mang lốt người, nhưng quả thật chưa bằng muôn thú.

Rồi vung tay ra hiệu, vua hét vào tai tên phản bội:

- Ta tha cho ngươi. Hãy đi đi, đi cho khuất loài người.

Y lồm lũi bỏ đi, mặt cúi gằm xuống đất. Bóng y đổ dài trên nền cỏ rừng, lưng y quay lại phía mặt trời, y đang bước lần, bước lần vào bóng tối...

Vua nói với Nai:

- Thừa Ngài, Ngài đã hoàn toàn tự do. Từ nay, không ai trong nước này lại động đến thân Ngài nữa. Về phần tôi, những lời cao đẹp của Ngài đã làm tôi trong phút chốc giác ngộ được chân lý. Tôi sẽ khắc những lời đó vào tim và đem chí hướng từ bi của Ngài gieo vào lòng nhân loại.

Thế rồi vua từ giả Nai, kéo quân về chốn cũ. Rừng trở lại thanh bình như xưa. Người và vật từ nay hiểu nhau, không còn tìm cách sát hại nhau nữa. Rừng già thổi vọng tiếng kèn sấm hung hăng, máu hồng trôi hoen trên cỏ màu xanh. Con cháu trong rừng ngày một đông thêm, phơi phới lớn lên, không lo loài người tàn bạo.

Và đêm đêm, lúc trăng ngà dội bóng xuống rừng hoang, đàn thú hiền lành quây quần chung quanh Nai như để nghe lời giảng đạo.

Huyền Thanh

## MỘT LÒNG VÌ ĐẠO

### Đức Thượng

Thà có đạo đức mà chết, chớ không chịu mất đạo đức để được sống.

Cũng một mùa xuân trong sáng đẹp đẽ như hôm nay nhưng là một mùa Xuân xa xăm lắm, một vị Quốc vương có tiếng nhân từ vui vẻ, ngự giá về các làng mạc thôn xóm, thăm viếng quần chúng và tặng quà tết cho kẻ nghèo. Ngài cùng chung vui với muôn dân. Đó còn là một dịp để nhà vua được tìm hiểu đời sống và tâm tình của dân.

Khi ra đi ngài vui vẻ bao nhiêu, khi trở về Ngài lại buồn rầu lo âu bấy nhiêu.

Nhà vua thường khuyến khích mọi người phụng thờ Tam bảo, thực hành phép ăn chay, làm các việc thiện, hiếu thảo với cha mẹ, thuận hòa với anh em. Ngài tha sưu thuế cho tất cả những ai thực hành theo lời Ngài khuyên bảo.

Mọi người đều răm rắp làm theo.

Nhưng có ngờ đâu, bề ngoài họ mạng một lớp "đạo đức giả" để che đậy bao nhiêu điều xấu xa, hung ác, nham hiểm ở bên trong. Nhờ có cuộc kinh lý trong ngày Xuân hôm ấy ngày mới thấu rõ được lòng người. Từ đó Ngài luôn luôn suy nghĩ để tìm một giải pháp cải thiện dân chúng một cách hoàn bị.

Một tuần sau gương mặt Ngài trở lại tươi vui như trước. Rồi khắp dân chúng được ban truyền sắc dụ của nhà vua: "Kể từ nay ai còn ăn chay niệm Phật sẽ bị tội xử tử, còn người nào không theo đạo Phật được tự do, an phần chức nghiệp".

Đương nhiên những kẻ giả tâm đều trở lại hành động như cũ, không còn phải che đậy một chút gì.

Tuy thế, sáng kia người ta dẫn đến sân triều một cụ già tả tơi yếu đuối, cụ này đã không tuân lệnh nhà vua vẫn quy ngưỡng theo đạo Phật. Cụ nghĩ rằng: "Lâu nay ta nghèo khổ trọn ngày chỉ có một bữa cơm rau nhưng được quy y Tam bảo, được nghe giáo lý của Chư Phật, lòng ta sung sướng vô cùng. Còn dầu sống một cuộc đời sung túc trên châu báu ngọc ngà hay có được lên cõi Thiên đàng hưởng thụ mãi mãi cuộc sống Thần tiên đi nữa mà không được nghe đến một câu kinh Phật, đối với ta cũng chỉ là ngục hình".

Cụ già khẳng khái tâu:

- Tâu Bệ hạ, bản dân này đã có tội không tuân lệnh của Ngài xin Ngài cứ việc chặt đầu.

Nhà vua phán:

- Nếu người biết tự hối và thi hành theo sắc lệnh mới của Trẫm, Trẫm sẽ tha tội và phong chức tước cho. Còn kẻ làm dân mà không tuân theo quốc pháp Trẫm sẽ xử chém đặt răn kẻ trái phép về sau.

- Tâu Bệ hạ, nếu bỏ chánh pháp mà làm đến bức vua chúa, hưởng thụ tất cả mọi khoái lạc trong cõi Nhân Thiên, bản dân này cũng không ham.

- Ngươi cãi lệnh ta sẽ truyền đem xử tử ngay tức khắc.

- Tâu Bệ hạ, trong Kinh Phật có dạy: "Nếu chúng sanh tự gieo mình vào ba đường ác thì khó được làm người và có làm người chẳng nữa cũng không thể sanh vào nước có đạo đức, không xem được Kinh Phật, không gặp được các cao Tăng để cúng dường và nghe pháp". Nay tôi được biết pháp Tam bảo, hiểu được chút ít Kinh Phật, vậy có lẽ kiếp trước tôi đã dày công tu luyện lắm. Thế thì dầu Bệ hạ có bỏ tôi vào nước sôi hay nung vào lửa đỏ đi nữa tôi vẫn giữ trọn một niềm theo Tam bảo mà thôi.

- Ngươi là ai mà còn khí khái với ta? Trước cái chết mà vẫn còn hùng hổ.

- Tôi tên là Thanh Tiến Sử, tâu Bệ hạ cứ việc xử tội, tôi không bao giờ oán than hay van xin một điều gì.

Quân sĩ hãy đem chém ngay ông lão Thanh Tiến Sử này.

Rất nhanh, các tên lính xáp đến dẫn cụ già ra pháp trường.

Trước pháp trường, bên cạnh những lưỡi gươm sáng quắc đang sẵn sàng đưa lên cổ, Thanh Tiến Sử vẫn thản nhiên vui vẻ và khuyên người con trước khi vĩnh biệt: "Con ơi! Con sanh gặp thời có Phật pháp, biết sùng bái Tam Bảo là một điều phước đức của con. Con hãy vững dạ tu học, noi gương cha đây, dầu dầu cha phải rơi vì sắc lệnh nghiêm ngặt của nhà vua. Cha vẫn vui lòng và quyết theo

Chánh đạo không bao giờ lãng bỏ".

Vừa dứt lời, vị cận thần truyền cho quân lính dẫn cụ trở về triều.

Khi vị cận thần về tâu lại lời khuyên con của Thanh Tiến Sử, nhà vua rất cảm động và vô tình những dòng nước mắt tuôn chảy trên đôi má nhăn nheo của vị vua hiền đức. Ngài bước xuống bệ rồng ra tận cửa thành ôm lấy Thanh Tiến Sử. Mọi người đều ngạc nhiên. Cụ già cũng trở mắt nhìn vua vì không hiểu chuyện gì. Nhà vua đưa cụ vào cung một cách ân cần vui vẻ, song Thanh Tiến Sử cũng chưa rõ điều gì nên chỉ biết cúi đầu sát đất lạy tạ ơn vua. Nhà vua liền đỡ lấy tay Thanh Tiến Sử rồi thân mật bảo: "Trong quốc dân này chỉ có một Thanh Tiến Sử! Chỉ có một Thanh Tiến Sử thuần thành theo Phật pháp, quyết một lòng vì đạo. Ngoài ra đều giả dối, đều vụ lợi. Chiều dụ của Trẫm ban ra chỉ cốt để thử lòng người mà thôi. Vậy từ nay xin ngươi hãy sống cùng Trẫm, giúp Trẫm trong việc truyền bá Phật pháp thức tỉnh nhân tâm". Rồi cả hai chuyện trò vui vẻ. Sau đó nhà vua phong cho Thanh Tiến Sử chức Tướng quốc.

Câu chuyện ấy được truyền tụng trên môi quần chúng lan ra tận các hang cùng ngõ hẻm, và cũng từ đó tiếng chuông cảnh tỉnh ngân vang trong tâm hồn mọi người.

Chẳng bao lâu dân chúng được sống trong cảnh êm ấm, thân yêu, an hòa, vui vẻ, ai ai cũng đều quay về với Đạo Phật.

Vị Quốc vương ấy chính là tiền thân của Đức Thích Ca.

## LÒNG HIẾU CỦA CHIM OANH VŨ

Trích: Phật Pháp Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bèn phát nguyện rằng: "Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng". Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ. Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: "Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?". Người điền chủ hỏi: "Người lấy lúa làm gì?". Chim Oanh Vũ đáp: "Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường". Vị điền chủ nói rằng: "Từ nay về sau, người cứ lấy lúa mà dùng, đừng e ngại gì cả". Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điền chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.

## TRỌNG PHÁP

Đời xưa, có một vị đại quốc vương tên là Tu Lô Đà, thống trị rất nhiều chư hầu nhỏ. Oai đức của nhà vua rất to, nhưng Ngài cũng chưa mãn ý. Một hôm Ngài nghĩ: Ta có một khuyết điểm lớn.

Mặc dù ta dùng đức trị dân, đem tài lực để giúp người, song đó chỉ là nuôi sống phần vật chất không được vĩnh cửu. Cần phải có một nền đạo giáo để trị muôn dân tu tỉnh. Ta phải tìm làm sao cho ra "Pháp tài chân thật" để cho mọi người cùng nhờ đó mà giải thoát được mọi sự khổ não ở đời. Được như thế ta mới khỏi ân hận".

Nhà vua liền truyền rao khắp trong xứ: Ai có phép giải thoát đem truyền trao cho nhà vua, sẽ được gia thưởng như ý muốn. Qua một thời gian khá lâu, không thấy ai đáp lại lời kêu gọi của nhà vua. Ngài đâm lo nghĩ, buồn rầu khổ sở, ăn không ngon, ngủ không yên. Người ngoài cuộc, ai trông thấy cũng phải cảm động và thương hại cho Ngài.

Lúc ấy, có một vị Tỳ sa môn Thiên Vương, rõ được tâm trạng của Tu Lô Đà, bèn hóa hiện làm thân một con quỷ Dạ xoa hình sắc ai thấy cũng phải kinh tởm: hai con mắt lồi to và đỏ như huyết, nanh vuốt nhọn bén, tóc tai bờm xờm, lửa đầy miệng. Quỷ đến chỗ vua, hô to lên rằng: "Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho".

Nhà vua nghe thấy mừng lắm, vội đến nghênh tiếp, mời ngồi tòa cao, làm lễ đúng pháp để cầu nghe quên cả sợ hãi.

- Xin Ngài vui lòng bố thí cho chúng tôi một pháp tài để cứu khổ cho nhơn sanh, ơn trọng vô cùng.
- Thân người khó được, chánh pháp khó gặp, đâu phải qua những nghi lễ tầm thường kém về tôn trọng như vậy mà có thể nghe được.
- Tôi xin sẵn sàng làm theo ý Ngài muốn, chỉ cốt hầu được nghe pháp, dù phải tan thân mất mạng cũng không sao.
- Quý lắm, nhà vua hãy đem Hoàng hậu và Hoàng Thái tử đến cho ta xơi, xong rồi ta sẽ nói pháp cho nghe.
- Được tôi sẽ trân trọng làm theo ý Ngài muốn.

Trong khi ấy, tất cả triều thần đều nhao nhao phản đối: "Bệ hạ làm thế nhẫn tâm lắm, chúng tôi không tán thành! Bệ hạ giết chúng tôi trước, rồi sẽ thi hành cái cử chỉ thâm hiểm ấy".

Nhà vua vẫn bình tĩnh, thản nhiên an ủi quần thần: "Các khanh yên lòng, ta cũng biết thế là đau xót lắm, nhưng trong đời, hề có hợp rồi sẽ tan, không có gì là đáng quý cả, chỉ có chánh pháp mới là đáng quý, vậy dù đổi tánh mạng ta, ta quyết cũng không từ".

Trong khi quỷ Dạ xoa ăn thịt Hoàng hậu và Hoàng Thái tử, tất cả triều thần cùng cung phi mỹ nữ trong tam cung lục viện đều kêu gào, than khóc vô cùng thảm não. Tiếng kêu than náo động cả kinh thành, mong làm chuyển được lòng cương quyết của nhà vua, để Ngài xóa bỏ ý định. Nhưng nhà vua vẫn điềm tĩnh như thường, chỉ một mực chăm chờ nghe pháp.

Quỷ Dạ xoa sau khi ăn xong Hoàng hậu và Hoàng Thái tử liền vì vua mà nói bài kệ rằng:

"Tất cả các hành đều là vô thường,  
Có sanh đều có khổ,  
Năm ấm không thật tướng,  
Không ngã và ngã sở". [1]

Nhà vua nghe xong bài kệ vui mừng vô cùng, lòng không chút hối hận, liền truyền thần dân biên chép bài kệ ban khắp trong nhân gian, bắt phải đọc tụng, nhờ đó mà rất nhiều người được tỏ ngộ.

Lúc ấy, vị Tỳ sa môn Thiên Vương hiện lại nguyên hình và không tiếc lời khen ngợi:

- Quý hóa thay! Cao cả thay, tâm trọng pháp của nhà vua không ai sánh bằng. Hoàng hậu và Thái tử xin hoàn lại vẫn không sao cả. Chẳng qua là chỉ để thư lòng nhà vua mà thôi, thật không phải tôi đã ăn nuốt đi đâu.

Tôi mong ngày sau Ngài sẽ đạt đạo Bồ đề độ muôn loài hàm thức.

Làm đau thương không gì hơn buồn. Bắn tên độc không gì hơn ngu si. Không thể lấy sức mạnh gì trừ diệt được hai nỗi khổ ấy. Chỉ có học nhiều mới có thể trừ diệt được. Người mù sẽ nhờ học mà có mắt, người tối sẽ nhờ học mà sáng suốt. Nhờ học mới có thể chỉ đường cho mọi người. Có học như đem mắt cho người mù. Vậy phải rời bỏ ngục ngu si, xả lòng kiêu mạn và sự an hưởng giàu có, chuộng học nghe nhiều mới gọi là nhóm họp công đức.

[1] Tất cả vạn sự vật thế gian đều luôn luôn chuyển biến không ngừng, các hiện tượng chuyển biến ấy Kinh gọi là Hành. Các pháp do nhân duyên cấu hợp, không thật thể, không khác nào hình ảnh trên màn bạc. Người phàm phu không làm sao nhìn thấy sự thật của sự vật, luôn luôn chấp cho là thật cảnh, thật ra, nên khi được thì vui mừng, mất thì sanh đau khổ.

Nên biết năm ấm (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp gọi là thân, song năm ấm biến chuyển không thường nên thân người thoát còn thoát mất, không có cái gì là "ta" cũng như không có cái gì là "của ta". Chẳng qua cũng như những bóng trong màn ảnh sân khấu, những giả ảnh trong chiêm bao mà thôi.

Chư Phật tỏ ngộ do đây, mà phàm phu mê muội cũng do đây vậy.

## CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI

### Chân Thuyên

Giới luật là thọ mạng Phật pháp

Giới luật còn Phật pháp còn.

Xưa ở nước Xá Vệ, có một huyện nhân dân đều quy Tam bảo, phụng trì năm giới và thực hành mười thiện nghiệp của Phật dạy. Khắp huyện không bao giờ sát sanh, người uống rượu nấu rượu cũng không có.

Trong huyện, có một người con dòng dõi, sắp đi buôn tha phương. Trước khi đi, cha mẹ căn dặn rằng: "Con nên cố gắng siêng năng, giữ gìn 5 giới cấm, thực hành mười điều thiện và cẩn thận chớ uống rượu, phạm đến trọng giới của Phật".

Người con vui vẻ ra đi, khi qua tới xứ khác vừa gặp người bạn đồng học cùng nhau chuyện trò tương đắc vui vẻ lắm. Bạn mời về nhà, đem rượu Bồ đào ra đãi. Người ấy tự cười nói rằng: "Nước tôi toàn giữ năm giới cấm của Phật, không một ai dám uống rượu; vì nếu uống rượu thì đời sau phải ngu si đần độn không thấy được Phật. Và lại khi ra đi, cha mẹ tôi khuyên không nên uống rượu. Bây giờ tôi phạm giới cấm, trái mệnh lệnh của cha mẹ, tội ấy chẳng gì lớn bằng. Chúng ta là bạn thâm giao lâu ngày, được gặp nhau không gì mừng rỡ hơn nữa. Nhưng bạn chớ làm tôi phạm giới cấm của Phật và trái lời dạy của song thân tôi".

Người bạn tiếp lời: "Chúng ta là bạn đồng học một thầy, coi như anh em ruột; cha mẹ tôi cũng như cha mẹ anh, với cha mẹ, chúng ta có bốn phận kính thờ, không được trái mạng. Tôi nếu ở bên nhà anh là phải tuân theo ý muốn của cha mẹ anh, nhưng nay anh ở nhà tôi anh nên tùy thuận ý của cha mẹ tôi mới phải".

Trước sự khẩn khoản của lòng bạn, anh ta phải uống rượu, uống xong anh ta say luôn trong ba ngày, không biết gì, khi tỉnh anh ta ăn năn lo sợ vô cùng.

Công việc xong, người ấy trở về nhà trình lỗi của mình cho cha mẹ rõ; cha mẹ tức giận mắng rằng: "Người trái lời ta, phạm giới cấm thật là loạn pháp, không phải đứa con thảo". Tự nghĩ làm gương trước cho mọi người trong xứ, cha mẹ bèn thâu hết đồ đạc của đứa con, rồi đuổi ra khỏi nhà. Người con bị đuổi bèn đi qua nước khác, xin ở đậu trong một cái nhà. Chủ nhà ấy là người thờ phụng quỷ thần, thứ quỷ thần rất khôn ngoan, hay hiện ra thân người, ăn uống nói chuyện, chủ nhà ấy hết lòng tin tưởng với quỷ thần. Vì phải thờ phụng lâu năm mệt nhọc, của tiền hết sạch, trong nhà người đau chết xảy ra luôn, quỷ thần không cứu gì cả. Quỷ thần hiểu ý chủ nhà, liền bảo với nhau: "Nhà này của tiền hết sạch cũng chính vì ta. Đã lâu ta chưa làm gì được lợi ích cho chủ, nên chủ chán nản là phải lắm. Bây giờ chúng ta phải kiếm đồ trân bảo đem về biếu chủ, để chủ vui lòng". Nói rồi, cùng nhau đi lấy trộm vàng bạc trong kho nhà vua của nước khác, đem về giấu ở sau vườn rồi bảo chủ rằng: "Người có công nhọc, nay ta muốn ban phước cho người được giàu có. Sau vườn nhà người có một tráp vàng bạc, ta cho người đó". Chủ nhà ra vườn tìm thấy tráp vàng, sung sướng lắm, sáng sớm thiết tiệc rất long trọng mời thần tạ ân.

Thần vừa đến cửa, thấy trong nhà có bóng người ở nước Xá Vệ, liền tránh không đi vào. Chủ nhà chạy theo cố mời trở lại. Thần trả lời: "Trong nhà người có vị Tôn khách ta đâu dám vào". Nói xong rồi tỏ vẻ sợ hãi rồi bỏ chạy. Chủ nhà nghĩ trong nhà chỉ có một mình người khách này thôi, liền kính cẩn đến thưa rằng: "Xin mời ngài đến dự tiệc với chúng tôi cho vui". Ăn uống xong chủ nhà hỏi vị Tôn khách rằng: "Ngài có công đức gì mà vị thần của tôi thờ phụng sợ hãi ngài mà phải tránh đi?".

Vị Tôn khách trả lời: "Tôi chỉ có công đức thọ trì 5 giới và mười điều thiện của Đức Phật. Tôi vì phạm một giới uống rượu, bị cha mẹ đuổi, qua trọ tại đây. Nhưng còn giữ được bốn giới nên thiên thần ủng hộ, còn thần của người thờ phụng là thứ tà thần ác quỷ làm sao sánh kịp".

Chủ nhà thưa rằng: "Tôi thờ các vị thần đã lâu rồi, không có lợi ích gì nên tôi chán quá, mong ngài hoan hỷ dạy cho". Nói rồi bèn theo vị Tôn khách thọ trì Tam quy Ngũ giới và pháp thập thiện. Thọ xong một lòng tinh tấn siêng năng phụng trì không hề hủy phạm. Một hôm hỏi vị Tôn khách rằng: "Đức Phật hiện nay ở đâu? Có thể đến yết kiến Ngài được không?" Tôn khách trả lời: "Đức Phật

hiện nay ở nước Xá Vệ trong vườn Cấp Cô Độc, qua đó sẽ được yết kiến Ngài".

Nghe vậy, người chủ nhà rất sung sướng, quyết qua Xá Vệ để yết kiến Phật. Giữa đường trời tối ghé lại xin trọ một nhà thiếu nữ xinh đẹp. Thiếu nữ ấy chính là vợ của một con quỷ ăn thịt người. Thiếu nữ liền can rằng: "Ông chớ ở lại đây nên đi gấp tốt hơn". Người ấy hỏi có gì nguy hiểm chăng? Thiếu nữ tỏ ý không bằng lòng nói rằng: "Tôi đã nói với ông như vậy, ông còn hỏi làm gì nữa". Người kia tự nghĩ: "Người ở nước Xá Vệ chỉ giữ 4 giới của Phật còn khiến cho quỷ thần sợ hãi thay, huống chi ta đã thọ trì chắc chắn pháp Tam quy Ngũ giới và Thập thiện của Phật". Nghĩ vậy, nhất định ở lại không chịu đi. Đêm ấy con quỷ ăn thịt người về nhà thấy có khách oai thần và công đức trì giới nên phải lẩn quẩn ngoài hè, rồi đi trọ một đêm nơi nhà hàng xóm cách xa tới bốn mươi dặm. Sớm mai người ấy lên đường đi qua Xá Vệ. Ra khỏi cửa ngõ, thấy thấy chết xương máu đầy đường, do quỷ ăn thịt người đã ăn xá.

Cảnh tượng ấy khiến người kia quá sợ hãi và hối hận rằng: "Nước ta sẵn đủ áo mặc, cơm ăn, nhà ở, không thiếu món chi ở trong nhà chẳng sướng hơn sao? Ta tưởng đến được yết kiến Phật và coi sự kỳ diệu của Ngài, ngờ đâu lại gặp hải cẩu rừng rợn như vậy". Nghĩ xong chàng sanh ác ý, trở về khuyên người thiếu nữ kia theo mình trở về nước, cùng nhau chung sống trăm năm. Khi về ngay nhà thiếu nữ xin ở lại. Thiếu phụ hỏi: "Sao ông phải trở lui vậy?". Người kia đáp: "Hành kẻ không thành nên tôi phải trở lui, mong thiếu nữ cho tôi ở tạm một đêm". Thiếu nữ nói: "Ông ở đây chắc chắn phải chết vì chồng tôi. Chồng tôi là quỷ ăn thịt người và sắp về đến. Ông nên đi gấp tốt hơn". Người ấy không tin, năn nỉ xin ở lại cho được và trước sắp đẹp của thiếu nữ, người ấy khởi nhiều ý niệm không tốt đẹp, không còn tin pháp Tam quy Ngũ giới và thập thiện của Phật. Vị thiện thần hộ giới liền bỏ đi không ủng hộ cho người ấy nữa.

Quỷ ăn thịt người được dịp thuận tiện trở về. Thiếu phụ sợ chồng ăn thịt người kia tội nghiệp nên đem lòng thương hại, giấu người kia trong một cái lu. Quỷ bắt hỏi người bảo vợ: "Mình có kiếm được thịt người phải không? Bây giờ ta thèm lắm". Vợ trả lời: "Tôi không đi đâu cả làm chi có thịt, sao hôm qua không thấy anh về?". Con quỷ nói: "Hôm qua trong nhà có vị Tôn khách nên ta phải đi tránh". Người ở trong lu nghe vậy càng thêm sợ hãi, đến nỗi không nhớ gì đến pháp Tam quy Ngũ giới của mình thọ. Người vợ hỏi tiếp: "Vì lẽ gì anh không kiếm được thịt?". Quỷ trả lời: "Vì trong nhà có đệ tử của Phật ở lại, nên thiên thần đuổi ta đi xa ngoài bốn mươi dặm, phải ngủ trống giữa trời một đêm rất là sợ hãi, đến bây giờ vẫn chưa hoàn hồn, cho nên không kiếm được". Người vợ nghe vậy rất mừng thầm, mới hỏi chồng làm thế nào được nghe và phụng trì giới cấm của Phật?". Quỷ trả lời: "Bây giờ ta đói lắm, lấy thịt cho ta ăn đã, không nên hỏi việc ấy vội. Giới là pháp vô thượng chân chánh của Đức Như Lai, ta đâu dám nói đến". Người vợ cố năn nỉ: "Anh hãy vì tôi nói đi, tôi sẽ lấy thịt anh ăn". Giống quỷ tham ăn đã sẵn, thèm ăn lắm, lại thêm vợ cố hỏi, buộc phải nói Tam quy Ngũ giới cho vợ nghe.

Pháp Tam quy là:

1/ Quy y Phật

2/ Quy y Pháp

3/ Quy y Tăng

Ngũ giới là:

1/ Không sát sinh

2/ Không trộm cắp

3/ Không tà dâm

4/ Không nói dối

5/ Không uống rượu.

Khi quỷ vừa nói giới đầu, người vợ nghe liền định tâm lĩnh thọ, lần lượt nói hết 5 giới, thì vợ quỷ rất sung sướng nhất tâm chấp trì, và miệng đọc tụng không nghỉ. Người dẫu ở trong lu nghe lại được pháp Tam quy Ngũ giới rất lấy làm hồ thẹn và vui mừng, tự tâm lĩnh thọ trở lại.

Thiên Đế Thích biết hai người này đã phát tâm quy y Phật, thọ trì 5 giới, bèn lựa 50 vị thiên thần đến ủng hộ hai người ấy. Quỷ ăn thịt người sợ hãi phải trốn đi nơi khác.

Đến sáng, vợ quỷ hỏi người dẫu ở trong lu: "Những chuyện vừa qua ông có sợ không?". Người kia

trả lời: "Sợ lắm, nhưng được cái may là nhờ ơn ân giả, mà tôi ngày nay được hiểu biết oai thần và công đức giới pháp của Phật!".

Vợ hỏi quý tiếp: "Hôm qua ông trở lui làm gì vậy?".

- Vì tôi thấy hải cốt đầy đường nên quá sợ hãi phải trở lui.

Vợ quý mới nói rằng: "Hải cốt đó chính tôi bỏ đấy". Tôi đây vốn con nhà lương thiện, không may bị quý bắt đem về làm vợ, tôi buồn khổ vô cùng, nhưng chẳng biết tỏ cùng ai. Nhờ ơn nhân giả tôi được thọ năm giới cấm của Phật và được xa lánh con quỷ ác độc này thật là hạnh phúc cho tôi. Bây giờ nhân giả còn đi đâu nữa?

- Tôi cần qua nước Xá Vệ để yết kiến Phật. Thiếu nữ nghe lấy rất làm sung sướng khen rằng: "Hay lắm thay! Tôi sẽ về nhà đem cha mẹ tôi theo nhân giả đi yết kiến Phật". Nói xong, cùng nhau lên đường. Đi được nửa đường thì gặp một đoàn 498 người ở bên nước Xá Vệ đi về. Người kia và thiếu nữ mới hỏi: "Các hiền giả đi đâu đông thế?".

- Chúng tôi đi yết kiến Phật về đây.

- Chúng tôi sắp qua nước Xá Vệ, chúng tôi nhờ thọ trì Tam quy Ngũ giới và mười điều thiện của Phật nên mới thoát khỏi nạn quỷ ăn thịt. Nay chúng tôi muốn qua yết kiến để tạ ơn và nghe thuyết pháp. Các hiền giả được thấy Phật rồi còn đi đâu làm gì nữa?

- "Phật thuyết pháp suốt ngày, nhưng chúng tôi ngu độn chưa hiểu được rõ. Nay trở về nước được gặp hai hiền giả và được nghe hai hiền giả cho biết công đức của người trì giới pháp của Phật. Chúng tôi xin theo hai hiền giả trở lui một lần nữa để yết kiến Phật".

Phật ở xa trông thấy đoàn người kéo đến liền mỉm cười chói tỏa hào quang năm sắc, tôn giả A Nan liền bước ra quì sát đất, trong tâm nghĩ ngợi, chắc Phật sắp dạy điều gì đây.

Phật bảo A Nan: "Người có hiểu không, người có thấy 498 người khi nãy trở về đây không?".

A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy".

Đức Phật thuật lại tất cả việc xảy ra và bảo: "498 người đó ngày nay đã gặp được thầy và đã được thấy Phật, rồi đây họ sẽ đắc đạo không lâu".

Cả 500 người đến trước Phật đánh lễ một cách rất thành kính và nhất tâm thính Pháp, mọi người đều được tâm ý thông suốt thành các bậc Sa môn và chứng được đạo quả A La Hán.

Phật dạy A Nan và chúng hội rằng: "Các người nên biết người phạm giới kia với thiếu nữ vợ con quỷ ăn thịt người là anh em trong nhiều đời vậy. Hai người này đời trước chính là thầy của 498 người kia đó, chớ không phải ai xa lạ".

Người đời phát tâm tu hành cầu đạo, thọ trì giới pháp, cần gặp được thầy hiền bạn tốt sự tu hành mới mong kết quả.

Phật dạy đến đây, các vị Tỳ kheo, 500 người ấy; và tất cả chúng hội đều sung sướng vui mừng, đánh lễ Phật, và nguyện nhất tâm giữ gìn tịnh giới.

## Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người

Huyền Thanh

Kinh thành Ba La Nại đang sống trong những ngày bối rối.

Khắp nơi, khắp nơi, những lễ đàn được dựng lên cao vợi. Tiếng nguyện cầu như muốn vượt mây từng trời. Nhưng thuốc thang cũng đã nhiều, cầu đảo cũng đã lắm mà có ăn thua gì đâu?

Hôm nay cũng như mọi hôm, hoàng cung vẫn rộn ràng lo lắng. Mạng sống của Hoàng thái hậu như treo đầu sợi tóc. Thần chết chắc đang cầm lưỡi hái đợi chờ đâu đây. Bọn cung nga thế nữ vẫn túc trực đó, vẻ mỗi mặt hiện rõ trên nét mặt. Không biết họ thức trọn mấy đêm rồi?

Quốc vương Hòa Mạc thì như trong giấc mộng. Cứ nhìn gương mặt mẹ mình ngày một teo gầy lại, nhà vua thấy lòng toi bời từng đoạn, cuộc sống không còn ý nghĩa gì nữa. Cung nga thế nữ mà làm chi? Lầu son gác tía mà làm chi? Nhà vua thấy có thể bỏ tất cả, hy sinh tất cả, miễn là mẹ mình được sống.

Tất cả những danh y trong nước đều đã được vời. Nhưng người nào cũng lắc đầu ái ngại. Vô kế khả thi. Hơi thở của mẫu hậu càng lúc càng khô khè, ngọt ngạt. Ôi còn chi đau đớn hơn cảnh một người con hiếu đang thấy mẹ mình chết dần mà không làm sao cứu được!

Cuối cùng nhà vua cho triệu tất cả những vị Phạm Chí xa gần về để hỏi nguyên nhân và phương pháp chữa bệnh cho mẹ mình. Họ đã về đầy đủ rồi đó, nhưng nào ai có ý kiến gì đích xác đâu? Người thì bảo Thần sông, kẻ thì bảo Thần núi. Họ đổ lỗi cho trăng sao trời đất... Thế rồi, đến khi nhà vua thiết tha xin phương pháp điều trị thì yên lặng. Im lặng nặng nề ngự trị... Ai dại gì mà bày tỏ cái bất lực của mình?

Bỗng một Phạm chí, có lẽ lớn tuổi nhất, đứng dậy nắm tay chiêm quẻ rồi trân trọng trả lời:

- Tâu đại vương, nguyên nhân bệnh trọng của Hoàng thái hậu cũng chẳng có gì khó hiểu. Âm dương không hòa hiệp, thiên địa quỷ thần trách móc, Hoàng thái hậu lại mất phải hung tính, trách gì không yếu mệnh? Muốn khỏi, nhất định phải tìm đủ một trăm súc vật khác giống để tế đất trời. Đại vương và Hoàng thái hậu cũng phải đến tại lễ đàn cầu đảo thì mới mong bảo toàn mạng sống và được bình an.

Quốc vương như người sắp chết khát bỗng gặp nước lạnh. Tình thương mẹ cộng thêm lòng mê tín dị đoan khiến nhà vua không suy nghĩ gì thêm trước khi thi hành ý kiến của Phạm chí. Một trăm sinh mạng đã được đổi lấy một mạng trong hy vọng.

Bầy súc vật được xua ra lễ đàn một cách tàn nhẫn. Có ai nghe tiếng kêu than của những kẻ vô tội sắp phải bị hành hình? Có những con cừ non biết mình sắp chết, cố dùng lại không chịu bước. Có những con bò cứ ngoái đầu trở lại, nước mắt chảy ròng ròng. Những bọn lính thì có kẻ gì cả. Chúng lấy roi dài quất vùn vụt vào thân đàn thú, lấy đá ném vào những con nào đi chậm nhất. Đã có những vết máu hồng hoe trên đường cỏ.

Xa giá cũng theo sát bầy thú vật. Hoàng thái hậu thì mê man trong chiếc xe lắc lư trên đường đá sỏi. Quốc vương Hoà Mạc thì luôn luôn nhìn ra ngoài, xem thử đã đến lễ đàn chưa? Lúc xe vừa ra khỏi cửa thành thì bỗng nhà vua giật mình nhòe mắt. Có cái gì uy nghiêm trên nét mặt của đại sĩ đang đứng chặn giữa đường. Đôi mắt sáng ngời làm cho ta mê phục, y vàng giản dị nhưng lại có tính cách siêu phàm.

Quốc vương bước xuống xe. Ngài ngạc nhiên thấy đoàn hầu cận của mình không biết đã quỳ rạp xuống từ lúc nào. Có những lời chúc tụng vang vang, không phải cho một vị quốc vương, nhưng mà cho một đấng vô cùng cao trọng. Ngài bỗng thấy sợ sệt. Không, Đạo sĩ có gì hung dữ đâu. Đó là cái run sợ của một đứa con thơ trước mặt mẹ hiền. Rồi ríu ríu chân, Vua cũng quỳ xuống. Muôn miệng một lời tụng hô vang dậy: Kính chào Đức Thế Tôn!

Vâng chính là Đức Thế Tôn, Đức Phật Thích Ca. Cảm thông nỗi đau thương của một trăm sanh linh vô tội sắp phải bị hành hình, Phật đã từ Tịnh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, trèo đèo vượt núi về đây gieo mầm chân lý. Phật đỡ Quốc vương dậy và hỏi lý do việc cầu đảo. Quốc vương rơm rớm nước mắt trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mẹ con lâm trọng bệnh đã lâu, không thang thuốc gì cứu khỏi. Nay theo lời Phạm

chí con định dùng tinh huyết của một trăm con súc vật khác giống mà tạ lễ với trời đất. Kính lạy đấng Điều Ngự xin Ngài hãy chỉ đường vạch lối cho con.

Một con cừu nhỏ lê chiếc chân vấy máu đến ép mình vào chân Đức Phật, như để tìm một nguồn che chở thiêng liêng. Phật cúi nhìn và để một bàn tay lên đầu con thú nhỏ. Ôi cử chỉ mới dịu dàng và êm ái làm sao. Mắt cừu nhỏ gặp mắt Phật long lanh rồi nhỏ lệ. Cả đàn thú cũng ngược đôi mắt ướt hướng về Phật như muốn nói lên những điều oan ức, bất công.

Đức Phật trả lời:

- Nay Quốc vương, không nên theo những lời mê hoặc. Không một ai, dù là thiên thần quý vật, có thể ban phúc hay giáng họa cho người. Ta quyết định đời ta theo đúng luật nhân quả. Muốn được mùa nông dân phải cày sâu cuốc bẫm, muốn giàu sang phải bố thí cho kẻ nghèo hèn, muốn sống lâu phải thực hành Từ bi và không sát hại. Không ai có thể chối cãi điều đó.

- Nhưng bạch Thế Tôn, thiên địa quỷ thần là những kẻ có quyền phép, ta có thể nhờ họ giúp ta?

- Nay Quốc vương, người có thích mặc chiếc áo sơ sài của hành khất không? Người có tham bữa ăn tồ tàn của lớp cùng dân?... Chư thiên cũng thế Quốc vương ạ. Vốn là hạng người phát tâm theo mười điều thiện, khi mạng chung, họ đã được sanh lên một trong ba mươi sáu cõi trời. Ở đó có cung điện huy hoàng, có cung nga thế nữ hân cận, y thực tự nhiên có... nào họ có cần chi những thứ đồ tạ lễ của Quốc vương, khi lấy huyết một trăm sanh mạng để mưu cầu hạnh phúc cho một người? Quốc vương thật đã làm một việc thiếu suy xét, mà chỉ tin theo lời đường mật của những tà sư. Tội đó lớn lắm.

Từ châu thân đấng Từ bi bỗng lóe lên muôn vàn ánh sáng, chiếu rọi cả muôn loài. Tất cả chúng sanh trong ba đường sáu nẻo bỗng thấy hân hoan và thấm nhuần ánh đạo. Toàn thể hai trăm vị Phạm chí thấy mình lầm đường lạc lối. Họ vội vã cùng nhà vua xin Phật tha làm đệ tử.

Hoàng thái hậu cũng thấy một sinh lực mới dào dạt chảy vào lòng. Bà đón nhận ánh sáng của chánh đạo, xả bớt lòng tham lam, phát tâm bồ đề, cầu đạo giải thoát. Liền đó bà thấy sức khỏe đã trở lại như xưa. Dưới chân cha lành, bà không ngớt lời chúc tụng.

Phật hiện từ nhìn đàn vật như an ủi, rồi theo lời mời của vua trở về cung.

Đêm ấy, có một trăm sanh linh thoát khỏi hành hình oan uổng. Cũng trong đêm ấy ở miền biên giới Ấn Độ xa xôi, dân gian say sưa uống những lời thuyết pháp của Đức Từ phụ. Lòng người rửa sạch oán thù, lũ cướp ác hung bỗng ghê bàn tay vấy máu của mình mà trở lại cuộc đời lương thiện. Chánh pháp tung ra, thấm vào từng bộ óc. Không còn cảnh chém giết ghê gớm, không còn người tin theo tà đạo.

Và non nước vui hưởng thái bình trong hào quang Từ bi và Trí tuệ.

## NHẬN LÀM CON

Có một chàng ngu kia sinh được đứa con trai, chăm chút thương yêu như ngọc như ngà. Một buổi sáng anh chàng đi ra chợ sớm, ở nhà lửa bốc cháy nhà và người ta bỗng đứa con anh chạy mất, lúc trở về thấy nhà cháy, anh không tiếc, anh chỉ cuống cuống lên khi không thấy con.

Một người láng giềng ức đoán chỉ vào thân của một kẻ bất hạnh đã cháy thành than và bảo: "Con anh chết cháy đây rồi". Thế là anh chàng tin ngay là thật, khóc than kẻ lẽ khôn xiết, rồi may một cái túi vải vuông bỏ nắm tro tàn vào đó mang luôn bên mình không lúc nào rời. Rồi cứ đinh ninh rằng con mình đã chết cháy, và nắm tro bên mình là xác con, không biết con mình hiện giờ đang còn sống.

Một buổi kia được thả, đứa con về gõ cửa kêu cha. Anh chàng buồn quá đóng cửa ngồi trong nhà, nghe gõ cửa hỏi vọng ra:

- Ai gọi đó?

- Con đây.

- Con, tôi đâu dám! Con tôi chết đã ba tháng rồi.

- Không, con còn sống đây mà, mở cửa cho con vào!

- Láo, cú đi! Con tao đã chết, mày là ai, đến đây nhận hảo thế? Cha con gì?

Đứa con năn nỉ ngoài cửa mãi, người cha ngồi trong nhất định không mở cửa. Cuối cùng nó đành khắc khoải ra đi. Thương hại cho anh chàng! Cha con không nhận, lại nhận bị xương khô!

- Người ngu tự biết mình ngu, nên biết người ấy có trí;

- Người có trí tự cho là có trí, nên biết người ấy ngu nhất trên đời.

- Người ngu cố chấp sự hiểu biết của mình là đúng, nên không bao giờ chịu thừa nhận những điều hiểu biết của kẻ khác. Vì thế, không bao giờ họ đạt đến được chân lý.

## NAN ĐÀ TÔN GIÁ

Quảng Huệ

Luân hồi nhân quả không sai  
Không tu ắt phải đọa đầy khổ thân.

Đã mấy năm qua. Từ ngày chứng nghiệm chân lý dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca đã đặt chân lên nhiều kinh thành, nhiều thôn dã, nhiều đất nước để truyền bá đạo Từ Bi. Hàng đệ tử của Ngài càng ngày càng đông.

Trên con đường giải thoát cho nhân loại không biên giới ấy, một hôm kia, Đức Phật trở về đất nước quê hương, nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài thấy nhân loại đáng thương đang chìm trong sự lôi cuốn của cuộc đời có bà con thân thuộc mình, có... em Ngài, Hoàng tử Nan Đà.

Hoàng tử Nan Đà là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật. Lúc Phật xuất gia, Nan Đà còn tám bé, Nan Đà chỉ buồn thoang thoảng vì thiếu sự chăm sóc chỉ bảo của một người anh hiền từ. Thế thôi. Và tuổi trẻ cũng mau quên. Nan Đà lớn lên trong sự hầu hạ ân cần cẩn thận của cung vua. Không như anh. Nan Đà buông theo các thú vui. Cuộc đời bó hẹp lại, nhỏ dần trước mắt người thanh niên ham mê sắc dục. Nan Đà chỉ còn thấy các mỹ nữ trong giọng hát, trong điệu múa, trong những cuộc truy hoan...

Phật trở về giữa sự vui mừng của dân chúng. Ngài ở Tịnh xá và hàng ngày mang bình bát đi khất thực và truyền đạo như trong khi Ngài ở các nước khác. Lối sống bình dị ấy làm mọi người thần phục. Đời sống của kinh thành xáo trộn. Vàng bạc không còn là cứu cánh. Lòng thương yêu nhau, thương yêu đến cả các sinh vật được xem là cao quý. Người ta đã thấy những gì chắc thật của cuộc đời, thú vui chỉ là mong manh chớp lát.

Nhà vua đã mở nhiều cuộc bố thí, giảm nhẹ thuế má cho dân chúng.

Về phần Nan Đà, Nan Đà cũng cảm thấy vui. Những hình ảnh tươi đẹp của những năm xưa hiện lên. Nhưng trong hai người như có một cái gì khác nhau nhiều lắm, nên Nan Đà chưa dám gặp Phật. Nghe những lời ca ngợi về lòng nhân ái, về cuộc sống bình dị của Đức Phật, Nan Đà tự đối chiếu với mình. Và đã có lúc chàng nghiệm thấy một cái gì mong manh, chóng tàn trong những cuộc vui say, trên nét nhả một môi của những mỹ nữ qua những cuộc múa ca.

Một hôm, Nan Đà thức dậy sau một giấc ngủ dài mệt mỏi. Mặt trời đã lên cao. Chưa kịp sửa soạn, chàng đã thấy Đức Phật đang tiến vào nhà. Phật khoác chiếc y vàng, tay cầm bình bát, Ngài đi khoan thai như lửa vào đây tắt cả những ánh sáng trong lành của buổi mai.

Phật không khác xưa nhiều lắm, vẫn gương mặt hiền lành nhưng thêm phần sáng suốt. Tất cả những hình ảnh trên diễn ra trước mắt Nan Đà đang đứng ngây người nhìn. Đức Phật tiến lại gần, ân cần hỏi han. Lời nói của Ngài dịu dàng làm cho Nan Đà nhớ lại những ngày vui vẻ thuở xưa, hồi ấy Nan Đà nhìn đời một cách đẹp đẽ. Rồi Ngài nói với Nan Đà:

- Từ lâu, ta vẫn thấy bên trong ra có phụ hoàng và em. Chính trong mục đích giải thoát cho loài người rộng lớn và cho những người thân thuộc mà ta thấy được đạo lý. Ta biết em đang khao khát chân thật. Ta đi trước em, ta đã biết rằng hạnh phúc chân thật không thể tìm ở đâu khác ánh đạo. Ánh đạo ấy ta đem về cho em đây.

Nan Đà im lặng, cảm động. Người đứng trước mình là anh, là thầy, là ân nhân? Nan Đà thấy trong người rạo rực một mối tình muốn hướng về đường lành. Chàng cúi xuống thân mến ôm bàn tay của Đức Phật đang đưa ra nâng chàng dậy. Đức Phật âu yếm:

- Đường ta đi sáng như sao nhưng khó khăn trở lực không phải là ít. Mà có sự thành đạt nào không phải mua bằng gian lao, ta đã nghiệm điều đó. Biết em có đủ trí lực để vượt qua không?

Nan Đà ngẫm nghĩ rồi nguyện theo Phật. Chàng sửa soạn rất nhanh chóng. Phật đã tiến ra cửa. Ngài bước đi, Nan Đà theo Ngài, tuy lòng đang dâng lên một cái gì âm ỉ, trong sáng như ánh nắng và trời đất tươi đẹp bên ngoài. Hai người cùng tiến về Tịnh xá.

Đến Tịnh xá, Phật bảo các đệ tử sẵn sóc cho Nan Đà. Người ta thay chiếc áo gấm xanh và khoác

cho chàng chiếc áo nâu bằng vải. Người ta dành cho chàng một phòng rộng ngó ra vườn hoa. Nan Đà ngồi xuống chiếc ghế mây rồi nhìn ra vườn. Trăm hoa đang mở rộng tung cánh để đón ánh trời, màu hồng tươi mát của đào. Màu vàng dịu của mai, màu trắng như tuyết của huệ, nổi bật lên trên màu xanh tươi của lá cây. Đây đó một vài đạo sĩ đang ngồi trên các phiến đá trầm tĩnh niệm Pháp. Trong cái yên lặng, lâu lâu có điểm một tiếng chuông ngân dài. Nan Đà thấy một sức sống mạnh mẽ của muôn cây, một sự rạo rực hướng về đạo của con người. Thật là một thay đổi cực kỳ lớn lao trong tâm hồn vị Hoàng tử thanh niên.

Nhưng rồi có những lúc Nan Đà thiếu thiếu một cái gì. Chàng tiếc rẽ cái áo gấm chẳng? Đâu phải thế! Trước đây cũng có nhiều lần chàng áo ước cởi bỏ nó đi để được mát mẻ. Chàng tiếc một cái gì? Đó là các sinh hoạt cũ, cái lối ăn chơi say sưa bên cạnh những người vũ nữ có bàn tay ngọc ngà, có thân hình mềm mại.

Đức Phật thừa hiểu rằng trong một sớm một chiều, Nan Đà chưa thể giác ngộ được chân lý nên chú ý đến Nan Đà nhiều hơn các đệ tử khác. Một hôm, có người mời Phật đi thọ trai, Ngài không đưa Nan Đà đi mà còn kêu đến đưa bình bát cho và dặn nhà súc nước đổ vào cho đầy.

Được ở nhà, Nan Đà là vui thích vì chàng thấy có cơ hội trở về thăm cung điện và các mỹ nữ. Biết như thế là sai lầm nhưng có một sức mạnh nào thúc đẩy mãnh liệt. Dầu sao, Nan Đà cũng không quên lời Phật dặn "đổ nước vào bình bát" mà chàng không biết đổ để làm gì. Cái bình bát nhỏ bé này, hãy đổ vào một gàu là đầy ngay và rồi sẽ trở về thăm cung điện cũng không muộn. Nan Đà đem bình bát ra giếng. Chàng xách lên gàu nước và đổ nước vào. Chàng cẩn thận để nước khỏi đổ ra ngoài. Lạ quá! Gàu nước đổ hết rồi mà sao không thấy nước tràn lên miệng bình. Nan Đà cúi xuống xem bình bát có bị nứt không. Tuyệt nhiên không một đường rạn nào, lớp men vẫn liền lóng. Chàng múc gàu nước thứ hai, thứ ba, thứ tư và liên tiếp nhanh tay đổ vào. Lạ thật, không có nước chảy ra ngoài mà nước đổ vào biến đi đâu cả.

Nan Đà đã mệt nhoài mà bình bát vẫn không được một tí nào cả. Làm sao để về thăm cung điện? Nôn nả quá, chàng để bình bát ngay bên giếng và vụt chạy đi, hẹn trong lòng chốc trở lại sẽ tiếp tục đổ nước vào.

Chạy được một quãng, Nan Đà thấy ở xa có đoàn người đi ngược lại. Chàng dừng lại nhìn. Khốn rồi! Chính Phật và đoàn đệ tử thọ trai về. Nan Đà biết không có cách nào tránh khỏi, bèn nép bên đường, cúi mặt nhìn xuống đất. Phật đến bên Nan Đà hiền lành bảo:

- Thôi! Trở lại. Em hãy còn lời hứa đối với ta, còn công việc ta giao chưa làm xong. Hãy tự chiến thắng mình mới đi đến đích cuối cùng.

Nan Đà đi theo Ngài cùng trở về Tịnh xá.

Năm hôm sau, trong cuộc du hành thuyết pháp ở cõi trời, Phật cho Nan Đà đi theo, Nan Đà mừng lắm.

Đây là một trong những cõi trời đẹp đẽ và hạnh phúc nhất. Không biết bao nhiêu lâu đài tráng lệ nguy nga. Những chiếc bàn, những độc bình bằng thủy tinh muôn màu rực rỡ. Những vườn hoa với các cây xanh mướt, quanh năm hoa nở thắm tươi và tỏa mùi hương nồng ấm. Ánh sáng một màu huyền ảo. Mặt trời không gay gắt, ban ngày vẫn có sao sáng và ban đêm trời luôn luôn sáng, thứ ánh sáng vàng trắng của những đêm rằm.

Phật đưa Nan Đà đến một cung điện rực rỡ. Các tiên ông râu bạc trắng ra đón tiếp. Phật thuyết pháp cho họ nghe. Trong lúc đó các nàng tiên mời Nan Đà đi xem khắp nơi. Chỗ nào Nan Đà cũng tấm tắc khen ngợi. Rồi các nàng tiên múa cho Nan Đà xem. Những gương mặt tươi đẹp như chưa bao giờ lo buồn, các điệu múa uyển chuyển như còn gởi mãi trong không gian các đường nét mềm mại. Sau đó Nan Đà hỏi họ:

- Ai sẽ có vinh hạnh hưởng cảnh sống êm đẹp trong những cung điện ở đây?

Các nàng tiên nhỏ nhẹ thưa:

- Cung điện, vườn hoa, ánh sáng ở đây đang chờ đón một người tên là Nan Đà, nếu người ấy tu hành được chánh quả.

Nan Đà sung sướng nhẹ nhõm khi theo các nàng về cung điện.

Trên đường về Tịnh xá, Nan Đà định hỏi Phật xem lời các nàng tiên nói có đúng không, nhưng không dám, chỉ tự bảo với mình phải cố gắng tu tập. Nhưng biết đến bao giờ mới lên cõi trời sung sướng. Nan Đà nôn nả nên thiếu thái độ hiền từ, tĩnh tâm, định trí. Và cái hăng hái của những ngày

mới trở về lần lần phai nhạt.

Một thời gian sau, Phật lại chuẩn bị một cuộc đi truyền thuyết xa và Nan Đà cũng được đi theo. Lần này Phật dẫn chàng xuống địa ngục.

Địa ngục bày ta trước mắt Nan Đà trước những cảnh tượng ghê rợn. Đây là một người đàn ông bị ép dưới một tảng đá khổng lồ. Tảng đá lún dần, lún dần trong tiếng kêu thất vọng trong tiếng răng rắc của bộ xương ngực, xương tay, xương chân đang đập nát. Đây là một người đàn bà mang trên đầu một vành lửa đỏ. Tóc của người ấy cũng cháy khét lẹt; và tay bị trói chặt ra phía sau, người đàn bà vừa chạy vừa kêu không ra tiếng người. Nan Đà biết những hình phạt ấy là do sự tàn ác của họ ở kiếp trước nên im lặng đi theo Phật. gương mặt của Ngài tỏ vẻ vô cùng thương xót và Ngài cầu nguyện cho họ.

Đến một đoạn nữa, Nan Đà thấy trước mặt có năm chảo dầu xếp thành hàng dài trước mặt một cái đèn tối om. Năm con quỷ đang sắp sửa đun lửa. Trong bốn cái chảo đã có bốn người không rõ là đàn ông hay đàn bà. Lửa đỏ, dầu gần sôi. Người trong chảo vẩy vũng, chồm lên rồi lại rơi xuống. Tiếng kêu của họ tắt đi trong tiếng sôi sùng sục của dầu, tiếng củi cháy phừng phực. Nan Đà đến gần con quỷ coi chảo dầu thứ năm và hỏi:

- Tại sao trong này lại không có người nào?

Con quỷ không nhìn Nan Đà, chăm chú coi lửa và trả lời:

- Chảo không này cứ đun sẵn, để dành riêng cho một người tên là Nan Đà nếu người ấy biếng nhác, không lo tu tập.

Nan Đà giật nảy mình và không dám hỏi thêm gì nữa.

Từ đó ấy về, Nan Đà không một chút nào dám xao nhãng việc tu niệm, chàng lo tụng niệm, thuộc lâu kinh kệ. Mãi đến chiều chiều, Nan Đà mới để một ít thì giờ đi dạo ngoài vườn Tịnh xá.

Nhưng có một điều là chàng đến chỗ nào, người chỗ ấy đều lánh đi nơi khác. Nan Đà bức lắm. Có một hôm Nan Đà đến gặp Ngài A Nan, Ngài A Nan là em họ chàng và là đệ tử yêu mến nhất của Đức Phật. Thấy Nan Đà đến, Ngài A Nan cũng lánh đi nơi khác. Không thể giữ nổi sự bức bối trong lòng, chàng đến trước mặt Ngài A Nan là lấy lời kính cẩn thưa:

- "Xin chú cho tôi biết vì lẽ gì các Ngài và chú lại không muốn gặp tôi. Tôi tưởng đã ở một đạo với nhau, hơn nữa lại là bà con, chú cũng không nên đối xử với tôi như thế".

Ngài A Nan biết không còn cơ hội nào tốt hơn cơ hội này để trình bày cho Nan Đà rõ đầu đuôi nên ôn tồn bảo:

- Chúng ta tuy theo một đạo nhưng mục đích chúng ta không giống nhau. Anh nhắm một mục đích khác. Anh tu hành để được lên cõi tiên, để sống trong hạnh phúc, riêng anh, tu hành vì cảnh khủng khiếp của địa ngục. Anh Nan Đà ơi! Mục đích của anh hẹp hòi. Phải lấy sự đau khổ của chúng sinh làm đau khổ của mình, xem thường tài sản và tính mệnh của mình, phát tâm thực hành lục độ để giải thoát vô lượng chúng sanh. Đó là mục đích của thầy ta, của chúng ta, của những người tu hành chân chính.

Ngài A Nan dừng lại để Nan Đà kịp suy nghiệm. Rồi âu yếm nhìn Nan Đà Ngài nói tiếp.

- Anh Nan Đà ơi! Đường tu hành còn dài lắm, cho đến khi nào chúng sinh không còn khổ đau. Cho nên không nhìn một mục đích cao rộng, ta sẽ dễ nản lòng thối chí như anh, đã có lần muốn bỏ dở công cuộc nửa chừng. Phải can đảm lên anh ạ! Quả lành sẽ đến với chúng ta.

Lời Ngài A Nan đi thẳng vào tâm can, vào trí óc A Nan. Từ đó Nan Đà công phu tu luyện với mục đích cao quý giải thoát cho chúng sanh và một ngày kia, bước theo A Nan, Nan Đà trở thành một đệ tử chân chính của Đức Phật, trở thành Nan Đà tôn giả đáng kính mến muôn đời của chúng ta.

## PHƯỚC BÁO CỦA SỰ BẢO VỆ SANH LINH

Đức Tâm

Dùng lòng từ bi cứu một mạng sống đang phước báo không kể xiết.

Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi tuyết đã chứng Lục thông: thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt. Nên danh tiếng vang lừng, người đương thời đều cảm phục.

Vị La hán kia có nuôi thiếu niên Sa Di làm đệ tử.

Một hôm, vị thiếu niên đệ tử đứng hầu bên cạnh thầy. Vị La hán xem qua sắc tướng của vị đệ tử mình, Ngài liền buồn rầu bảo vị thiếu niên đệ tử rằng:

- Con ơi, Thầy xem sắc tướng hôm nay, Thầy rõ biết phước báu của con đến nay đã gần hết, sau bảy ngày nữa mạng con sẽ chết. Thôi Thầy trò ta ngày nay vĩnh biệt. Thầy cho con trở về nhà thăm bà con quyến thuộc và cho con được thấy cha mẹ con trong phút cuối cùng.

Nghe xong, thiếu niên Sa Di chỉ biết đau đớn đánh lễ thầy rồi gạt lệ từ tạ ra đi.

Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, thiếu niên Sa Di rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy kiến nhỏ đang chơi vui trên một dòng nước nhỏ chảy ngang đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ, nhưng vô hiệu; vì thân nhỏ sức yếu mà dòng nước quá mạnh, nên đành để dòng nước tự do dầy xéo, và chờ dòng nước đưa về cõi chết.

Thiếu niên Sa Di thấy vậy, động lòng từ bi, liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn ngang dòng nước để đàn kiến có chỗ leo vào, những con nào kiệt sức, không thể leo vào áo được, thiếu niên Sa Di nhẹ tay bắt từng con bỏ vào áo, rồi đem bỏ vào chỗ khô ráo. Hai ba phen xem xét thấy bầy kiến chắc chắn thoát chết, mới yên lòng về nhà.

Đến nhà, trong thời gian bảy ngày, thiếu niên Sa Di lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến ngày thứ tám, thiếu niên vẫn còn sống. Thiếu niên Sa Di mừng rỡ trở về chỗ thầy.

Đến nơi, vị La hán hết sức ngạc nhiên! Không biết vì sao đệ tử mình đến bây giờ mà vẫn còn sống. Ngài liền nhập định dùng diệu trí quan sát mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến nên bảy ngày không chết mà còn sống lâu được nữa.

Sau khi xuất định, vị La hán giải cho Sa Di rõ lý do thoát chết, và giải nghĩa chữ từ bi.

Từ đây, thiếu niên Sa Di tinh tấn tu hành không bao lâu chứng được đạo quả.

## MỤT GHẺ NÓI TIẾNG NGƯỜI

Đời Đường vua Ý Tôn ở đất Trường An có một nhà sư mắc phải bệnh cùi, hằng ngày thất tha thất thiêu trong bộ quần áo lang thang, mặt mày khô đét, thân hình gầy còm, tay chân lở lói, ai trông thấy cũng gớm nhảm.

Thỉnh thoảng, một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít quà bánh không đáng giá, ngoài ra không ai buồn đã động đến, hoặc hỏi han điều gì cả, vì vậy chẳng ai biết nguyên quán nhà sư ở đâu. Một hôm, trên con đường lớn xuôi về cổng chùa An Quốc, nhà sư tình cờ gặp Ngô Đạt, lúc ấy chưa phải là một tu sĩ nổi danh.

Thấy người đồng đạo trong cơn hoạn nạn, Ngô Đạt quá đau thương cố thỉnh về ở với mình. Trước tâm tình chân thật, lời lẽ thiết tha của Ngô Đạt, nhà sư nhận chịu. Ngô Đạt rước về chùa, kính như bậc thầy, hết lòng cung phụng. Mỗi ngày sáng dậy, Ngô Đạt lấy nước nóng, rửa lau ghẻ lở, tuyệt đối không tỏ vẻ gì nhảm gớm cả. Sau một thời gian khá lâu, nhà sư từ già ra đi, Ngô Đạt tỏ lòng quyến luyến, cảm cộng lắm lời, nhưng nhà sư không đổi ý. Thấy thế Ngô Đạt thiết tha xin theo để sớm hôm giúp đỡ, nhà sư cũng từ chối nốt, bảo rằng: "Trên đường danh đức, ông ngày sau sẽ được hiển đạt, ông nên ở lại, đừng nghĩ việc theo tôi mà phải trôi nổi bình bồng, mai một khả năng siêu tuyệt của mình". Nhưng điều này nên để dạ: "Hãy cẩn thận trong khi hưởng thụ những phần hưởng danh dự, vì nó có thể làm tổn thương đạo niệm của mình. Tôi hết sức cảm nghĩa tốt của ông, vậy nếu sau này có bị tai nạn gì hãy nhớ qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu, núi Trà Lung mà tìm tôi. Cứ đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tùng to tục gọi là "Song tùng lãnh" chúng ta sẽ gặp nhau".

Dặn dò xong, nhà sư từ biệt, Ngô Đạt rơm rớm nước mắt, trông theo đến khi khuất bóng mới quay gót trở về.

Ngày qua tháng lại, Ngô Đạt đến thời kỳ hiển đạt. Bấy giờ ở kinh đô, người người đều quen biết và khâm phục danh đức của Ngài. Một vị sư có tài, có đức, giảng pháp hay, hiểu biết rộng, tiếng tăm vang dậy khắp nơi.

Vua Ý Tôn qua nhiều lần thăm dò, trải bao cơn thử thách, mới chịu thỉnh Ngài vào cung giảng đạo. Cách ít lâu lại phong Ngài lên làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trầm thơm quý. Danh vọng này còn danh vọng nào hơn! Một hôm, nhân lên ngôi trên ghế trầm, nghĩ mình tài đức ai bằng, vua kiềng, quan phục, trăm họ kính nhường, Ngô Đạt thấy thật không còn nấc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, Quốc sư vội bảo đồ đệ diu vào phương trượng, nằm mê man suốt hai ba giờ mới tỉnh lại. Cảm nghe trong mình khó chịu biết đã thọ bệnh, chợt rờ xuống gối nghe đau vén quần lên, thật là hết sức kinh ngạc. Một mụn ghẻ giống tạc như mặt người, có mày mắt, miệng, tai, mũi đủ cả. Ghê tởm quá! Kinh sợ quá! Quốc sư ngất đi, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụn ghẻ nghiêng rằng, đau buốt thấu xương, khổ sở quá không phương gì cứu chữa. Các danh y và Quốc y đều được vua mời đến chữa cho Ngài, mà mỗi lần thoa thuốc men là mỗi lần chết giấc chớ không thấy thuyên giảm phần nào cả. Nhưng lạ, hễ mỗi lần đứt thịt vào thì lại thấy mụn ghẻ ăn ngay và lại nghe trong mình êm ái dễ chịu. Thật là một quái bệnh xưa nay chưa từng thấy. Các danh y, quốc y đều thúc thủ lẫn lóc chịu khổ sở mãi như thế đến hơn tháng trời, nằm nghĩ cuộc đời chẳng ra chi, thân như bọt nước thoát có, thoát không, thoát còn, thoát mất, đáng ghê sợ. Nhân nhớ đến vị sư bệnh khi xưa, ôn lại những lời dặn dò thiết yếu, Quốc sư sức tinh, bèn cố gắng một thân bị đau nhức, cắn răng lặn mò qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu.

Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến chân núi Trà Lung. Bởi đường dốc quanh co, nên mãi đến lúc hoàng hôn mới tìm ra được dấu. Kìa hai cây tùng đã lộ bóng, nhưng vị sư đâu chẳng thấy hình dạng; nếu không tìm gặp, thì đêm nay không khỏi dả thú nhai xương giữa chốn rừng núi hoang vu, không một bóng người thấp thoáng. Ngô Đạt đang ngờ ngác đoán nhìn bốn phía, lòng những lo sợ bồi hồi, thì may quá, hình bóng thân yêu và quen thuộc khi xưa của vị sư, bỗng hiện ra trong một gộp đá gần đấy. Một tiếng kêu rú thất thanh vì mừng, Ngài Ngô Đạt bắt chập đau đón, chạy lại và leo nhanh lên gộp đá, ôm choàng lấy vị sư hỏi han rối rít. Khi bộc lộ hết những nỗi vui mừng, khao khát của mình rồi, Ngài bèn kể bằng nước mắt sự khổ sở đau đớn của mình cho vị sư nghe. Vị sư thốt lời an ủi và diu dẫn Ngô Đạt về Thảo am trên lưng chừng núi, Ngô Đạt thưa:

- Bạch Thầy, kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khốn nạn, bức bách, khổ sở không còn bút mực nào tả xiết, xin thầy rửa lòng từ bi ra tay tế độ giúp cho đệ tử thoát nạn, ơn đức Thầy thật vô lượng vô biên.

Không hại gì, vị sư đáp, oan oan nghiệp chướng của ông đã vay từ nhiều đời về kiếp trước, ngày nay phải đến thời kỳ đền trả. Ông phải ăn năn trả xong mỗi nợ máu tiền kiếp ấy, mới có thể giải thoát được. Đức Thế Tôn ta khi xưa còn thị hiện nạn guom vàng đâm vế, ăn lúa ngựa thay, huống chúng ta là hạng người phàm phu làm sao mà thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng cần thiết là đừng nên vay nữa mới được.

- Thừa thầy, thầy nói nợ máu là thế nào đệ tử không hiểu ra sao cả, xin thầy hoan hỷ giảng cho.

- Chuyện ấy rồi ông tất sẽ rõ, vì đã có người sẽ nói cho ông nghe giờ khắc rất gần đây.

Rạng ngày hôm sau, nhà sư dạy đồng tử dẫn Ngô Đạt xuống ngọn suốt dựa triền, lấy nước rửa ghê. Đồng tử vừa toan khoát nước thì thoát nghe tiếng thét từ trong ung thư phát ra: "Khoan, hãy khoan đã, ta có việc cần muốn nói với ông".

Ngô Đạt và đồng tử đang cơn kinh ngạc, thì mặt ghê tiếp lời:

- Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy ông đã từng đọc sách Tây Hán chưa?

- Đã có xem qua vài lượt, Ngô Đạt đáp.

- Vậy ông có nhớ chuyện người Viên An dèm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ chăng?

- Nhớ lắm, nhớ lắm. Nhưng hỏi thế để làm gì?

- Chính ông là Viên An còn Triệu Thố là tôi, ông giết tôi oan đến dường nào, ông có biết chăng? Thù ấy, oan ấy, thâm xương thấu cốt tôi đã từng mười đời theo dõi bên ông để tìm dịp báo oán, nhưng suốt mười đời ông luôn luôn làm bậc cao tăng, tinh nghiêm giới luật, tôi đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mối thù, đòi xong món nợ máu mới thôi. Mới vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì vua kính chuộng, ban cho tòa trầm hương, phong làm đến Quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bùng khởi, khuyết phần đức hạnh, tôi mới nhân cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ nân trên. Ngày nay, nhờ Ngài Ca Nặc Ca Tôn Giả thương xót ra tay cứu giải cho ông, lại cho dùng nước Tam muối rửa tội, nhờ thần lực của Ngài khiến cho ông và tôi, từ đây oán hận không còn, cừ thù tan mất, vậy kính khuyên ông, hãy cố gắng tinh tấn tu hành và chúc ông vuông tròn đạo nghiệp. Tôi xin chào vĩnh biệt.

Ngô Đạt nghe xong, đầy mình mồ hôi. Đồng thời với tay khoát nước rửa mặt ghê, nước vừa chạm đến thịt, Ngô Đạt nghe đau buốt thấu xương, ngất lịm hồi lâu. Khi tỉnh lại, mặt ghê đã lành da thịt liền lại như xưa, không chút vết sẹo nào. Quốc sư mừng quá đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ơn dày của Tổ, tự thệ từ đó tinh tiến tu hành không dám chậm trễ nữa.

Tương truyền bộ Thủy sám ba quyển vốn tự tay Ngô Đạt viết ra để làm pháp sám sau khi lành bệnh.

## QUỖ LA SÁT

Xưa có một đoàn ca kịch vừa đi du lịch khắp nơi, vừa kiếm ăn bằng lối diễn tuồng. Trong các vở tuồng, đặc sắc nhất là vở tuồng "Qui La Sát" vừa rùng rợn lại vừa thích thú.

Chiều hôm nọ, đóng tuồng Qui La Sát hay quá rất được công chúng hoan nghênh. Đóng xong đoàn ca kịch thu xếp đồ đạc để qua tỉnh khác. Có kẻ vì quá yêu chuộng, nài cầu ở lại bằng cách dọa dẫm: "Các ông ở lại đây sáng rồi hãy đi. Bây giờ đã chiều mà phải đi qua một cánh rừng rậm, trong rừng nhiều Quỷ La Sát lắm, nhất là lơ ra đêm xuống mà chưa ra khỏi rừng". Mấy chàng kịch sĩ cười phì: "Chúng tôi đây vốn đã là Qui La Sát, còn sợ La Sát nào nữa!". Thế rồi cả bọn đồng sửa soạn cất bước vượt rừng. Nhưng chưa ra khỏi rừng thì trời đã tối hẳn. Cả bọn đồng ý nghỉ lại trong rừng, mai sáng họ sẽ đi. Họ đi bẻ cành khô, hót lá về đốt lửa lên, rồi trải tạm những tấm màn phong để ngủ, cắt phiên ngồi canh lửa, rồi thì vì mệt mỏi đồng lẫn ra mê mết.

Nửa đêm độ vào canh một, sương xuống nhiều quá, trời lạnh chàng gác lửa run lấy bầy, bèn mở rương lấy tạm một bộ đồ diễn kịch khoác vào người rồi ngồi gật gù bên đồng lửa hồng. Bộ đồ kia lại là bộ đồ Qui La Sát. Có tiếng chim kêu, một người nằm ngủ vụt thức, ngoái cổ lên nhìn xem lửa còn cháy và người bạn canh lửa còn đó không. Nhưng kinh sợ biết bao! Người bạn canh lửa đâu chả thấy, chỉ thấy có một con Qui La Sát ngồi gật gù bên đồng lửa. Lòng gáy dựng ngược, hoảng lên, anh chàng chồm dậy vừa chạy vừa la: "Qui La Sát! Qui La Sát". Bọn người thức dậy mắt nhắm mắt mở, nghe kêu tưởng là có quỷ thực, cũng la lên và bỏ chạy theo người trước không kịp suy nghĩ. Anh chàng gác lửa thiu thiu, nghe tiếng kêu tỉnh dậy, thấy bọn kia chạy hết thì cũng tưởng rằng có quỷ thực, bèn vội vàng mang cả bộ áo La Sát mà chạy theo. Bọn trước chạy được một khoảng khá xa ngoái lui trông thấy "hắn" theo sau, càng sợ, càng chạy, anh chàng gác lửa thấy bọn trước chạy vùn vụt như tên thì tưởng đâu quỷ đã kề sau lưng mình rồi, nên lại cố gắng đuổi. Bọn trước thấy "hắn" đuổi gấp, lại càng hoảng hốt cứ thế chạy cho đến mệt nhoài, đuổi sức, trầy da chảy máu, cuối cùng hết hơi nằm lẫn ra, đến khi biết rõ, tất cả đều bị thương, đau đớn khắp mình...

Con người vì thành kiến sai lạc, vì vô minh che lấp nên đua nhau chạy theo ảo tưởng trần gian và mua chuốc lấy bao nhiêu là đau đớn khổ nhục.

## CÂY ĐÈN Kỳ LA

Thiện Châu

"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm".

Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Quả nhân rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá u tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo hội vừa rồi.

Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

Kỳ Bà! Khanh nghĩ quả nhân xem còn có việc gì đáng làm nữa để quả nhân tận hiến tác dạ chí thành lên đức Chí Tôn và giáo hội - những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sanh nói chung, thần dân của quả nhân nói riêng, trở về với ánh sáng chân lý.

Đứng dậy ngẫm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí Tôn và giáo hội, theo thiên ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng tượng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ; ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Ngu ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thẩm xét.

- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiện đây nhờ khanh thay quả nhân sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuôn chở những thùng dầu, đèn và cả những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.

Hình tướng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vòn vẹn chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỷ đi ngay vào một cái quán gần đây...

- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thấp.

- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!

- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới được gặp". Hôm nay tôi may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhân tiện vua A Xà Thế sắm sửa đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khất tỏ tấm lòng chân thiết đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: Hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà ba muống nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhân cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lồng lầy của nhà vua đã được những đội thị vệ thấp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mới ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cúng dường ánh sáng này lên Đức Thế

Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các Đấng Giác ngộ trong mười phương". Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng". Nhưng mạnh dạn bà thề nguyện: "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn này sáng mãi không tắt".

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào tịnh xá, chỉ thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn không hao.

"Ngày đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ", Đức Phật dạy với Ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của Bà lão hành khất, thì ba lần Tôn giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không tắt. Lần thứ tư, Tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vận hết thần thông diệu lực của mình quạt hất vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên và cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, Đức Phật vừa đến, Ngài điềm đàm bảo:

"Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng tất cả thần lực của đệ tử cũng không thể nào làm tắt được cây đèn này; vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai".

Lời dạy ấy của Đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà! Như khanh đã biết quả nhân làm rất nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn nhưng không thấy Đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngần ngại mãi không dám trả lời.

- Kỳ Bà! Ngươi đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những nguyên khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về Đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được phỏng vấn từ cửa miệng của những người thân cận các thầy Tỳ kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những Đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc...

## TÌNH THƯƠNG

Thích Minh Lý

Chớ hèn đến già mới học đạo,  
Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.

Hoàng hôn về, đem theo một ít u buồn vơ vẩn. Theo gió nam, chim nhận bay từng đàn lẻ tẻ, đàn chim nhận bay về trong khói sương chiều ảm đạm cánh mỗi chưa tìm được chỗ trú chân trong một ngày gió bạt mưa ngàn. Mưa đã tạnh, gió đã yên, những lá rụng đầy đường đang than thở với ánh dương tà còn sót lại. Cảnh tượng đượm màu hoang tàn và thê thảm.

Ngồi bên song cửa, nàng Liên Hoa băng khuâng nhìn trời với một mối u buồn khôn xiết. Đôi mắt nàng chạm phải cảnh tượng thê lương của buổi chiều vàng, cũng như lòng nàng chạm phải một cảnh đời oan trái.

Vâng, cảnh đời oan trái quá! Bao nhiêu là phỉnh phờ và bao nhiêu là dối gạt! Lòng nàng còn tươi thắm được không, khi đã bị gió mây u sầu bao phủ. Lòng người sâu độc và phũ phàng. Sắc nước hương trời mà làm chi, lâu đài vàng bạc có giá trị gì, khi lòng người phụ bạc! Ngón đàn tuyệt diệu của nàng không còn kêu gọi được những mãnh tình tan vỡ. Người mà nàng chắc chắn sẽ ngàn năm sum họp, thì nay đã ghét bỏ nàng. Đã bao nhiêu lần như thế, và cũng đã bao nhiêu lần những buổi chiều vàng tan tác về trên cảnh vật. Tình thương trời ơi! Tình thương chỉ là man trá nhất thời. Tình thương là gì? Nếu không phải là những cánh nhận bay qua, chỉ để lại trên mặt hồ, trên trái tim nàng, những u buồn thất vọng? Tình thương mong manh quá! Trái tim nàng hình như thất lại. Đời còn có nghĩa gì với một kiếp hồng nhan bạc phận như nàng?

Cảnh vật đã nhuộm màu đen tối. Đêm xuống giữa cảnh vật và xuống giữa tâm hồn nàng. Nàng cảm thấy bơ vơ trống trải. Nàng mẩn tiếc thời xưa, thời mà nàng còn bé bỏng, sống trong tình thương không giới hạn của mẹ nàng. Tình mẹ thương con, nàng thấy rõ là một tình yêu chân thật, vững bền. Ôi, mẹ nàng còn đâu nữa để an ủi nàng trong phút đau đớn này. Tìm đâu ra tình thương cao cả và đầm ấm như tình mẹ yêu con.

Nhưng mắt nàng vừa chạm phải một ánh sáng xa xăm. Ừ, trăng đã lên ánh sáng dịu hiền đã lan tràn trên cảnh vật. Nàng cố tìm trong trí nhớ và chắc rằng một tình thương bao la như ánh trăng hiền hậu vẫn còn có ở đời này. Đâu đó, người ta ca ngợi tình thương. Phải rồi, tình thương của bậc giác ngộ ra đời, thấm nhuần muôn vật. Mắt nàng sáng lên, như nhìn thấy ngôi sao cứu tinh hiện lên ở chân trời rực rỡ. Người đang gieo rắc tình thương cao rộng bao la, chính là bậc giác ngộ, là Phật đà. Tình thương nhân thế mong manh, nhưng tình bác ái của đạo Vàng vẫn trường cửu và bao la cao rộng. Nụ cười thế nhân mong manh quá, nhưng nụ cười Đức Phật còn mãi hiền hậu với tất cả mọi loài. Nụ cười ấy có một cái gì giống với nụ cười mẹ yêu con tha thiết. Nàng thấy rõ: trú địa an tịnh là dưới ánh đạo Vàng mà Đức Phật còn đang gieo rắc quanh Ngài. Nàng sẽ đến dưới tình thương Đức Phật.

Tìm được nơi nương dựa cho tâm hồn, nàng thấy lòng nàng êm tịnh. Ngày mai, nàng sẽ đến với tình thương cao cả của Ngài, và như đứa con thơ, nàng sẽ được an lành dưới nụ cười êm dịu của người mẹ hiền.

Sáng hôm sau, trời mới tinh sương, Liên Hoa đã vội vàng lên đường. Đường về Cấp Cô Độc không xa nhưng nàng muốn đến nơi trước giờ ngọ nắng nung người. Nàng đi với một lòng tin tưởng ở Đức Phật Từ Bi không bến hạn của Đức Thế Tôn. Mặt trời lên cao, trời đã bắt đầu nóng nực. Nàng Liên Hoa đi nhanh hơn để mau tới đích. Được hơn một nửa đường, thì mồ hôi đã thấm ướt áo nàng. Ghé vào một bóng cây to che rợp một hồ sen nước trong như gương, nàng ngồi nghỉ, nước hồ trong quá, nàng đứng lên lại gần vuốt mớ tóc lại để rửa mặt. Nước hồ mát rượi, nàng thấy khỏe khoắn và an lành. vén tà áo sang bên, nàng bỗng thấy trong gương nước hồ trong, mặt nàng duyên dáng tươi lành in trên nền trời xanh biếc, nàng còn trẻ, tóc nàng còn xanh lắm và môi nàng còn thắm như son. Nàng còn xuân quá! Rồi đây xuất gia đầu Phật, nàng đứng yên suy nghĩ - rồi mớ tóc sẽ còn đâu. Sống trong cảnh thanh đạm của người tu hành, nàng thấy còn sớm quá. Để năm năm sau cũng còn

chưa muộn. Nàng còn trẻ và đẹp biết chừng nào? Gương mặt nàng, biết đâu sẽ đem lại cho nàng một người yêu trong mộng tưởng.

Nghĩ thế và ý muốn quay về ám ảnh đầu óc nàng. Nhưng từ xa một bóng người đi lại. Bóng một thiếu nữ tha thướt trong dáng đi đẹp của hàng quý phái.

Liên Hoa giật mình: nàng chưa bao giờ trông thấy một người đẹp như thế! Mặt thiếu nữ trong như gương nước hồ sen, tóc nàng buông xuôi, đẹp như một làn mây mờ và mỏng. Nàng nhẹ tiến về phía nàng Liên Hoa, trên môi đã nở một nụ cười tươi như hoa phù dung buổi sáng.

Liên Hoa yên lặng cúi đầu. Nhưng thiếu nữ đã đến bên. Thiếu nữ cười, tiếng nàng trong như tiếng đàn huyền diệu:

- Sao chị buồn thế? Chị đi đâu, hân chị về Ca Tỳ La?

Liên Hoa chợt tỉnh, nàng đáp lời thiếu nữ:

- Không, tôi về vườn Kỳ Thọ.

Thế là hai người quen nhau.

Liên Hoa bắt đầu thấy mến thiếu nữ. Đã lâu, hai người nói chuyện tâm tình, thiếu nữ nhìn Liên Hoa cười và tiếp:

- Không, sắc đẹp chóng tàn lắm chị ạ. Chỉ có tình thương rộng rãi mới là trường cửu. Tình thương thế nhân en thấy quá mong manh.

Thiếu nữ tỏ vẻ nhọc mệt. Gối đầu lên vai Liên Hoa, nàng lặng yên nghe tiếng sáo điều đầu đây đồng vọng.

Lát lâu, không thấy thiếu nữ nói gì, Liên Hoa tưởng nàng thiếp ngủ. Nhưng Liên Hoa kêu lên một tiếng khi nàng chạm phải cánh tay lạnh như đồng của thiếu nữ. Nàng đặt đầu thiếu nữ dậy thì, than ôi! Người đẹp đã chết rồi, thân xác nàng đã lạnh ngắt và cứng đờ như gỗ. Hoảng kinh, Liên Hoa vùng dậy mắt nàng trông rõ khuôn mặt thiếu nữ: Còn đâu bao nhiêu vẻ đẹp nào nùng! Mặt thiếu nữ xám lại, mắt trắng dã, toàn thân tím lại như xác người để đã bốn năm hôm.

Liên Hoa thờ dài. Nàng thoáng thấy lẽ vô thường của kiếp sống đời người. Nở rồi tàn, sắc đẹp trôi theo thời gian tàn tạ. Bao nhiêu ham muốn trở về tiêu tan mất cả. Ý chí xuất gia mạnh mẽ trở lại với nàng, Liên Hoa đặt người bạn xấu số bên bóng cây già rồi vội vã ra đi về vườn Kỳ Thọ.

Mãi bước hướng về nơi chủ đích, Liên Hoa không còn nhìn lui lại phía sau. Nàng có ngờ đâu, thiếu nữ đã đứng dậy hồi nào. Thiếu nữ đứng lên, nhìn theo Liên Hoa khuất dạng trong bóng cây rậm rạp. Hình như đã hiểu sự thay đổi trong tâm hồn Liên Hoa, nàng mỉm cười đắc chí. Nàng chép miệng:

Bao nhiêu thế nhân, khi chạm phải luật vô thường vẫn còn ham muốn không thôi!

Than ôi! Tình thương thế gian là một trò hề điên đảo! Liên Hoa sẽ được an lành dưới bóng Đức Từ Phụ. Nàng sẽ chứng được đạo mầu.

Trong khi ấy, mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Tiếng hồng chung giờ ngọ đã từ Kỳ Viên bay lại, ngân nga trong gió...

## ĐẦU LÀ SỰ THẬT

Sáng nay, trời mùa xuân quang đảng quá, những mầm non đầy nhựa đang e ấp dưới những nách thân yếu của các kẻ lá, cành cây, muôn chim đang hòa vui, reo hót những bản nhạc mừng xuân, líu lo lãnh lót. Gió xuân lùa nhẹ những làn hương trong sạch của muôn hoa, làm giảm bớt một ít u buồn của những khách trần gian tục lụy, đồng thời gạt vỡ những giọt sương còn bám chặt, đè nặng trên mình hoa lá.

Vàng thái dương đã bắt đầu lên, nhả những tia nắng vàng chiếu tỏa khắp không gian, đem lại loài người nguồn sinh lực vô biên, đánh tan sự đen tối của đêm dài đầy sợ hãi.

Thành Xá Vệ đã trở về với những sự náo nhiệt của một đô thị lớn.

Khắp các nẻo đường, người đi, kẻ lại lằng xằng nhứt là con đường lớn vô ra cửa thành.

Ồ kia! Sao những người đi đường họ đứng dừng lại và nép qua một bên đường hết thế kia? Họ còn đứng im ra dáng cung kính nữa! À, thì ra có Đức Phật từ vườn Cấp Cô Độc vào thành hóa trai, đi gần đến họ. Phải, ai thấy Phật mà không cung kính cuối đầu cho được. Bước đi khoan thai, tướng người oai nghiêm, hùng dũng sức sáng của trí huệ cao siêu, dường như không thể tiềm tàng hết trong người phải tung phát ra ngoài, thành muôn ngàn tia hòa quang rực rỡ. Đứng xa trông cũng đủ khiếp; lựa là phải đứng gần; càng ngắm lâu, càng nép phục.

Đức Phật vào thành, theo đường phố, tuần tự hết nhà này sang nhà khác để hóa trai. Đi như thế ngót một tiếng đồng hồ. Rồi bỗng nhiên Ngài đứng lại trước cổng một ngôi nhà khá sang trọng. Chẳng nói chẳng rằng, Ngài đứng im đấy thật lâu. Cửa cổng vẫn đóng kín và bên trong lặng lẽ tiếng người. Nếu nom kỹ, ta có thể thấy được bên trong vợ chồng chủ nhà và đứa con đang xúm quanh mâm ăn thì phải.

Đức Phật bèn thâm hào quang và dùng thần lực bay vào.

Tại thành Xá Vệ này, có một ông trưởng giả giàu có vô số thế mà thậm ông lại là người keo kiệt nhất đời, không ưa làm việc bố thí, cũng không giúp đỡ ai bao giờ. Mỗi khi ăn ông sai vợ đóng chặt cửa cổng, không tiếp bất cứ một ai. Hơn nữa, cửa cổng nhà ông ít khi mở; ông rất sợ những vị Sa môn đến hóa trai và nhất là những người ăn mày. Ông keo kiệt đến có tiếng khắp đô thành, thì phải biết! Ngày hôm nay, ông nghe sao thềm thịt gà lạ thường, lại thêm thằng con cũng đồng một ao ước như ông. Sao một hồi tranh chấp trong cõi lòng, ông bèn quyết định bạo dạn bảo vợ làm thịt con gà trống tơ.

Khi món ăn làm xong, dọn lên mâm, lên bát, vợ chồng và con đồng nhau hỷ hã.

Đang thích thú khen miếng ngon, miếng béo, ép con, mời vợ, ông trưởng giả bỗng giật nảy mình, tiếng động chân của Đức Phật đã đến tận thềm.

- Đàn việt! Ông bà nên cúng dường cho các thầy Sa môn, được phước báo vô lượng, đức Phật lên tiếng.

Bị quấy rầy, lại thêm keo kiệt, trưởng giả nhà ta đồ cẩu:

- Quái trong lúc vợ chồng người ta đang ăn uống, ông lại đến kỳ kèo xin xỏ? Nếu biết sự xấu hổ xin mời ông ra ngay cho.

- Trưởng giả là kẻ còn mê muội, tự mình không biết xấu hổ, chớ ta là nhà tu hóa trai có gì mà phải hổ thẹn.

- Tôi và vợ tôi, con tôi đang ăn uống ngon lành như thế này, vui sướng như thế này, mà ông bảo là xấu hổ à?

- Trưởng giả giết cha để ăn, lấy mẹ làm vợ, nuôi nấng cung cấp cho kẻ oán thù, đã không tự xấu hổ, còn lên mặt trở lại chê ta là nhà tu hành không biết thẹn à?

- Đạo sĩ nói thế nào? Nhà tu hành sao ăn nói kỳ cào thế, tôi giết cha, lấy mẹ hồi nào?

- À, thì ra trưởng giả chưa hiểu gì cả. Con gà trống tơ đang dọn ăn trên mâm kia là cha của ông. Hồi trước vì bản tánh tham lam, keo kiệt, nên nhiều đời phải sanh làm loài gà, để ăn bản cõi xay để trả nghiệp. Vì nghiệp quả của ông ngày nay chấm dứt, nên khiến ông thềm, con ông lại đóc thúc. Vợ ông tuy phải buộc lòng bắt gà làm thịt, chớ khi giết bà ta vẫn đau khổ hung lắm, bởi đây oan nghiệp nhiều đời còn vương vấn. Đứa con của ông hiện đây, đời trước nó là quỷ La Sát.

Còn vợ ông bây giờ, là mẹ ông hồi nhiều đời trước. Vì ái ân sâu nặng chưa dứt, nên ngày nay phải

làm vợ ông để trả cho hết tình yêu thương tiền kiếp.

Ông vì si mê không thấu biết căn nguyên, nên đành giết cha nuôi kẻ oán cừu, lấy mẹ làm vợ, thật là điên đảo luân thường.

Chúng sinh vì nghiệp chướng che ngăn, tạo nghiệp, thọ quả, quay cuồng mãi mãi, sanh tử trôi lăn trong ba nẻo, sáu đường không ngày nào cùng tận. Thật đáng hồ thẹn, đáng thương tiếc biết bao!

- Bạch Ngài phải làm thế nào để có thể hiểu rõ được và bậc người nào mới có thể thoát khỏi vòng khổ lụy của sanh tử, luân hồi, xin Ngài từ bi bảo cho chúng tôi thật muôn phần cảm tạ.

- Này thiện nam tử! Những sự oan oan tương báo, tử khứ sanh lai, lặn hụp nổi chìm như thế, chỉ những bậc tu hành đã dứt trừ tất cả phiền não mê lầm, chứng đẳng ngũ nhãn lục thông mới mong thoát khỏi. Còn ngoài ra đều khó tránh được sự trả vay của nhiều đời nhân quả. Ta này đã quan sát kỹ, thấy trưởng giả nhân tiền căn có gieo hột giống Phật vào thức điền, dù trải bao nhiêu kiếp luân hồi đền trả oan khiên, nhưng phước báo vẫn không mất.

Ngày nay nghiệp quả trả xong, căn lành thuần thực, nên ta khuyên trưởng giả hãy phát tâm cho mạnh mẽ tinh tấn tu hành kéo ngày sau khó thoát.

Kỳ diệu thay! Lời của Đức Phật vừa thốt xong như liều thuốc trị bệnh, ông trưởng giả sợ tháo mồ hôi, tóc lông đều dựng đứng. Phật liền hiện oai thần cho ông nhớ lại những tội khiên tiền kiếp.

Bấy giờ ông trưởng giả hết sức ăn năn lạy Phật để sám hối những tội khiên ông đã tạo và phát nguyện tu hành, mong thoát khỏi những tội nghiệp do ngu muội tạo ra, tánh bòn sẻn bỗng nhiên tiên tan mất.

- Lạy Ngài, nhờ thần lực của Ngài phá tan những lớp mây mờ trong đầu óc của con, ngày nay con mới thấy rõ đâu là sự thật. Bấy lâu nay, con tưởng những cái gì xung quanh con, nào vợ, nào con, nào của cải, đều là chân thật của con, nên con mới lần tiếc từ đồng. Xét ra con vì nghiệp chướng ngăn che, càng nhận thấy càng chìm, nên càng mê muội, lấy giả làm chơn, cho hư là thật. Ngày nay con đã rõ ra thì sự đã rồi, mong nhờ ơn Ngài giải thoát giùm con. Con thật muôn phần cảm tạ.

Đức Phật nhận lời thâu ông vào hàng đệ tử. Ông xin thọ 5 giới của Phật, tu hành chứng đẳng quả Tu Đà Hoàn.